

Bản án số: 363/2020/HS-PT

Ngày: 29 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Mười

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Văn

Ông Hoàng Minh Thịnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 861/2019/HSPT ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Văn Văn Ngh do có kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2019/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Bị cáo bị kháng cáo, bị kháng nghị:*

**Văn Văn Ngh** (Tên gọi khác: không), Giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1975 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 21/55, khu phố 9, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Thạc sỹ; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Văn Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị C (đã chết), có vợ là Trần Thị Hồng L, sinh năm 1967 và có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 28/12/2017 theo Lệnh số 04 ngày 25/12/2017 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai; (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Văn Văn Ngh:* Luật sư Nguyễn Đình Th thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn A - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

- Bị hại:

1/ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T; Địa chỉ: đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

*Người đại diện:* Bà Bùi Huyền Tr – Chủ tịch Hội đồng quản trị; (có mặt)

2/ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TB; Địa chỉ: đường C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện:* Ông Lê Anh H - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị; (có mặt)

3/ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở D; Địa chỉ: tổ 1, ấp Tr, xã B1, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện:* Ông Nguyễn Xuân Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan:*

1/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ: 178 đường 30/4, phường TB, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

1.1/ Ông Phạm Quốc B - Phó giám đốc; Địa chỉ: 178 đường 30/4, phường TB, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

1.2/ Ông Lê Xuân H - Phó chánh thanh tra; Địa chỉ: 178 đường 30/4, phường TB, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

2/ Ngân hàng TMCP P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai; Địa chỉ: đường C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Quách Minh Tr; địa chỉ: Hội sở Ngân hàng P - Phòng pháp chế; Địa chỉ: đường Ng, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

3/ Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đồng Đ Nai; Địa chỉ: đường Ng1, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Trung K – Trưởng phòng quản lý rủi ro; Địa chỉ: đường L1, khu P1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

4/ Công ty TNHH Q; Địa chỉ: đường Ng2, phường Ng3, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện:* Ông Nguyễn Quốc Th – Giám đốc (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Thái Thị Diễm Tr; (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền lợi cho Công ty TNHH Q:* Ông Nguyễn Đình Thái H, là Luật sư Văn phòng luật sư Thái Hùng, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; (có mặt)

5/ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Đồng Nai; Địa chỉ: đường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

5.1/ Ông Đỗ Hồng Th – Phó trưởng phòng đại diện C tại Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

5.2/ Ông Nguyễn Duy Q – Nhân Viên xử lý nợ; Địa chỉ: Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Đồng Nai – đường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

6/ Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ - Chi nhánh Đồng Nai; Địa chỉ: đường Đ , thành phố B, Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

6.1/ Ông Trương Quốc Th – Phó Giám đốc Phòng KHBL- Chi nhánh Đồng Nai; (có mặt)

6.2/ Bà Trần Thị Hồng Ng – Chuyên viên chính Phòng Pháp chế - Khối Tuân thủ; (vắng mặt)

7/ Ngân hàng TMCP SH - Chi nhánh Đồng Nai; Địa chỉ: đường Ng3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan Hoàng Thạch – Chuyên viên xử lý nợ - SHB chi nhánh Đồng Nai; (có mặt)

8/ Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Đồng Nai; Địa chỉ: đường V, phường Th1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

9/ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Khu công nghiệp B; Địa chỉ: Ngã tư Khu công nghiệp A, phường L2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

10/ Ông Trần Công Q H, sinh năm 1972; Địa chỉ: đường Tr2, khu phố 2, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

11/ Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu phố 3, phường T1, thành phố B, Đồng Nai; (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Đình Ph, sinh năm 1988; địa chỉ: đường Th3, phường 13, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh; (theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020, có mặt)

12/ Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1986; Địa chỉ: khu phố 2, phường P, thành phố L4, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

13/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955; Địa chỉ: khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

14/ Ông Nguyễn Chí Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: đường L5, phường P4, quận T5, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền lợi cho ông Nguyễn Chí Th:* Ông Cao Thế L, là luật sư Công ty Luật TNHH K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu; (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

15/ Bà Văn Thị Thu H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu dân cư Đ, xã P, huyện Đ1, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

16/ Bà Trần Thị Minh Th, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tr2, Khu phố 2, P. T2, thành phố B, Đồng Nai; (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

17/ Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1957 ; Địa chỉ: Khu phố 3, P. T, thành phố B, Đồng Nai; (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

18/ Ông Văn Văn A, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu phố 9, P. H, thành phố B, Đồng Nai; (có mặt)

19/ Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố 2, P. Q, thành phố B, Đồng Nai; (vắng mặt)

20/ Bà Văn Thị Mỹ H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố 3, P. T6, thành phố B, Đồng Nai; (vắng mặt)

21/ Ông Nguyễn Phước M, sinh năm 1980; Địa chỉ: tổ 7, khu phố 3, phường T6, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

22/ Ông Văn Văn C, sinh năm 1980; Địa chỉ: tổ 8, khu phố 5, phường T6, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

23/ Bà Trần Ngọc Thu L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 23, Khu phố 2, P. Tr4, thành phố B, Đồng Nai; (vắng mặt)

24/ Ông Trần Hữu Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: đường H, phường Tr5, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

25/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: tổ 39C, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

26/ Ông Văn Văn T, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp S, xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

27/ Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 9, khu phố 2, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

28/ Bà Trương Thị Thanh H, sinh năm 1990; Địa chỉ: khu phố 3a, phường L3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

29/ Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp 6, xã T7, huyện C, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

30/ Bà Thái Thị Thu H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp N, xã B, thành phố L4, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

31/ Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 2, phường P, thành phố L4; (vắng mặt)

32/ Bà Bùi Ngọc Bích Th, sinh năm 1993; Địa chỉ: Đ1, xã G, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

33/ Bà Bùi Thị Thúy A, sinh năm 1988; Địa chỉ: tổ 16, ấp Tr, xã B1, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

34/ Bà Phan Mỹ Nh, sinh năm 1990; Địa chỉ: C31, khu phố 1, phường B2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (có mặt)

*Ngoài ra vụ án có 146 người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không Tr tập*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Năm 2004, Văn Văn Ngh thành lập Doanh nghiệp tư nhân VTN do Ngh làm giám đốc có trụ sở tại khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Năm 2008, Ngh chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN do Ngh làm giám đốc có trụ sở tại số 6 đường P, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, mã số doanh nghiệp là 3600993034, đăng ký lần đầu ngày 03/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/01/2014.

Vào năm 2011, Văn Văn Ngh thành lập Quỹ tín dụng nhân dân T có trụ sở hoạt động chính tại số 6 đường P, phường T, thành phố B theo Giấy phép hoạt động số 40/GP.NHNN ngày 21/11/2011 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai, được đăng ký kinh doanh số 4707000043 do Sở Kế hoạch và đầu tư Đồng Nai cấp ngày 24/11/2011. Đến năm 2017, Hội đồng quản trị gồm 03 người: Văn Văn Ngh là Chủ tịch hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách, Văn Thị Thu H cùng Trần Thị Minh Th là thành viên; ban điều hành gồm: Trần Thị Minh Th là Giám đốc, Đào Danh Q là Phó giám đốc; Văn Thị Mỹ H là thủ quỹ, Nguyễn Thị Thanh Th là kế toán trưởng; ban kiểm soát gồm: Lê Thị Ngọc H làm Trưởng ban, Nguyễn Phước M cùng Nguyễn Thị L là thành viên. Về địa bàn hoạt động tại phường T, phường T, phường T2, phường T6, phường Tr4 thuộc thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi Quỹ tín dụng nhân dân T huy động được tiền gửi của người dân thì Văn Văn Ngh đã chiếm đoạt tiền của khách hàng gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân T cũng như Quỹ tín dụng nhân dân D, Quỹ tín dụng nhân dân TB thể hiện các hành vi sau:

***1. Hành vi chiếm đoạt tiền huy động vốn tại các Quỹ tín dụng nhân dân T, D, TB, đồng thời đã thành lập 11 Công ty Chi nhánh thành viên thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN thể hiện:***

***1. Chiếm đoạt 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng) tiền huy động vốn của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T để mua Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở D đang bị thua lỗ.***

Năm 2014, thông qua Trần Quốc T là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Văn Văn Ngh mua Quỹ tín dụng nhân dân D đang bị thua lỗ của ông Phan Văn D với giá 0 đồng. Sau đó, Ngh lấy 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng) tiền huy động vốn của Quỹ tín dụng nhân dân T để trả khoản tiền thất thoát, thua lỗ của Quỹ tín dụng nhân dân D, kèm theo Ngh được nhận bàn giao 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá trị tương ứng 5.500.000.000đ (Năm tỷ đồng năm trăm triệu đồng) từ Phan Văn D để bù đắp phần thua lỗ của Quỹ tín dụng nhân dân D. Quỹ tín dụng nhân dân D có trụ sở đặt tại số 22 tổ 1, ấp Tr, xã B1, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 038/GP-NHNN ngày 26/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 250463 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/7/2012. Sau khi mua Quỹ tín dụng nhân dân D, Ngh giao cho Trần Thị Bích L (là chị vợ của Ngh) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Văn Văn A làm Giám đốc; Lê Thị Thùy D là kế toán, Trần Thị Thanh T, Bùi Ngọc Bích Th, Nguyễn Thị Ngọc Ph, thủ quỹ là Thái Thị Thu H, Bùi Thị Thúy A, Phan Mỹ Nh. Ban Kiểm soát gồm: Đào Danh Q là trưởng ban, Bùi Thị Thúy A, Nguyễn Thị Ngọc Ph là thành viên. Về địa bàn hoạt động tại xã B1, xã X, xã H, xã Q thuộc huyện Th1, tỉnh Đồng Nai.

(Lời khai bị can bút lục số: 1137-1243. Lời khai người liên quan bút lục số: 1329-1331; 1402-1443).

*2. Chiếm đoạt 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng) tiền huy động vốn của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T để mua Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TB.*

Đến ngày 30/11/2016, Văn Văn Ngh tiếp tục thông qua Trần Quốc T là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai để mua toàn bộ cổ phần Quỹ tín dụng nhân dân TB của Dương Văn T có trụ sở hoạt động chính tại số 152A đường C, phường Q, thành phố B, được thành lập theo Quyết định số 095/QĐ-ĐNA.7 ngày 02/10/2006 và Giấy phép hoạt động số 026/NH-GP ngày 02/10/2006 của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai, với giá 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng). Thời điểm Ngh mua lại Quỹ tín dụng nhân dân TB thì nguồn vốn huy động của Quỹ còn dư gửi tại các tổ chức tín dụng khác khoảng 120.000.000.000đ (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Văn Văn Ngh giao cho Trần Thị Hồng L (là vợ của Ngh) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đinh Ngọc Th là Giám đốc, Trần Hữu Th là Phó giám đốc, Trần Ngọc Thu L là thủ quỹ, Trần Phương Đ là kế toán trưởng. Ban kiểm soát gồm Nguyễn Thị L, Văn Thị Mai Ph, Phạm Quốc Tr, Phan Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Minh Ch. Về địa bàn hoạt động cho vay tại phường TB, phường H, phường Q1, phường Q, phường B3, phường T, phường Th1, phường T, xã H, xã T1, xã H1 thuộc thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Lời khai bị can bút lục số: 1137-1243, Lời khai người liên quan bút lục số: 1373-1379; 1265-1279; 1384-1393; 50724-50725).

Tính đến ngày 23/11/2017, Văn Văn Ngh còn đang huy động vốn vay tại 03 Quỹ tín dụng nhân dân T, TB và D với tổng số tiền là 1.234.253.115.100đ (Một nghìn hai trăm ba mươi tư tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, một trăm mười lăm nghìn, một trăm đồng) của 6.310 sổ tiết kiệm. Số tiền huy động được tại 03

Quỹ thì Ngh chỉ đạo nhân viên cho khách hàng vay thật là 146.179.000.000đ (Một trăm bốn mươi sáu tỷ, một trăm bảy mươi chín triệu đồng), trong đó Quỹ tín dụng nhân dân T là 53.440.000.000đ (Năm mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng); Quỹ tín dụng nhân dân TB là 84.205.000.000đ (Tám mươi tư tỷ, hai trăm lẻ năm triệu đồng) và Quỹ tín dụng nhân dân D là 8.534.000.000đ (Tám tỷ, năm trăm ba mươi tư triệu đồng). Số tiền còn lại của 03 Quỹ là 1.088.074.115.100đ (Một nghìn tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn, một trăm mười lăm nghìn một trăm đồng) gồm Quỹ tín dụng nhân dân T là 754.204.778.000đ (Bảy trăm năm mươi tư tỷ hai trăm lẻ bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng), Quỹ tín dụng nhân dân TB là 296.098.847.100đ (Hai trăm chín mươi sáu tỷ, không trăm chín mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm đồng), Quỹ tín dụng nhân dân D là 37.770.490.000đ (Ba mươi bảy tỷ bảy trăm bảy mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) thì Ngh đã làm và trực tiếp chỉ đạo Trần Thị Hồng L, Trần Thị Minh Th, Trần Thị Bích L, Văn Văn A, Nguyễn Thị Thanh Th, Văn Thị Mỹ H, Nguyễn Phước M, Văn Văn C, Trần Ngọc Thu L, Trần Hữu Th, Nguyễn Thị H, Văn Văn T, Trần Ngọc L, Trương Thị Thanh H, Huỳnh Thị Mỹ D, Lê Thị Thùy D, Thái Thị Thu H, Trần Thị Thanh T, Bùi Ngọc Bích Th, Bùi Thị Thúy A, Phan Mỹ Nh, Nguyễn Thị Ngọc Ph cùng các nhân viên khác của Quỹ tín dụng thực hiện theo yêu cầu của Ngh như sau:

*3. Huy động để ngoài sổ sách kế toán tại Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 170.092.438.000đ (Một trăm bảy mươi tỷ không trăm chín mươi hai triệu bốn trăm ba tám ngàn đồng) rồi Văn Văn Ngh chiếm đoạt.*

Tổng số tiền huy động còn lại của 03 Quỹ là 1.088.074.115.100đ (Một nghìn tỷ không trăm tám mươi tám triệu không trăm bảy mươi tư nghìn một trăm mười lăm nghìn một trăm đồng) thì Văn Văn Ngh chỉ đạo kế toán, thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân T lập 02 hệ thống sổ sách kế toán (01 hệ thống kế toán báo cáo chịu sự giám sát Ngân hàng Nhà nước; còn 01 hệ thống báo cáo quản trị nội bộ tại Quỹ). Quỹ tín dụng nhân dân TB là 380.303.847.100đ (Ba trăm tám mươi tỷ ba trăm lẻ ba triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm đồng) với 2.025 sổ tiết kiệm. Quỹ tín dụng nhân dân D là 46.304.490.000đ (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) với 304 sổ tiết kiệm. Quỹ tín dụng nhân dân T là 807.844.778.000đ (Tám trăm lẻ bảy tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) với 3.981 sổ tiết kiệm, trong đó thì trong sổ sách kế toán báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước là 637.552.340.000đ (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ năm trăm năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) với 3.028 sổ tiết kiệm và để ngoài sổ sách kế toán giám sát Ngân hàng Nhà nước là 170.092.438.000đ (Một trăm bảy mươi tỷ, không trăm chín mươi hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) với 953 sổ tiết kiệm. Đối với số tiền huy động để ngoài hệ thống giám sát Ngân hàng Nhà nước thì Ngh chỉ đạo Trần Thị Minh Th là Giám đốc, Nguyễn Thị Thanh Th là Kế toán trưởng và thông báo Thủ quỹ Văn Thị Mỹ H là kể từ ngày 01/8/2017 phải tiến hành để ngoài sổ sách kế toán phân huy động vốn đối với việc huy động vốn tại Hội sở, điểm giao dịch T, Tr4 thì hệ thống sổ tiết kiệm này có ký

hiệu số đầu là DK01 do Văn Văn Ngh - Chủ tịch hội đồng quản trị ký sẵn và đóng dấu Quỹ tín dụng nhân dân T đồng thời giao cho Trần Thị Hồng L quản lý sổ để đưa cho Nguyễn Thị Thanh Th là Kế toán trưởng theo từng tuần, cuối ngày vào lúc 17 giờ 00 thì Nguyễn Thị Thanh Th là Kế toán trưởng và Văn Thị Mỹ H là Thủ quỹ báo cáo số liệu cho Ngh biết. Kết quả điều tra xác định Văn Văn Ngh ký 947 sổ tiết kiệm, Trần Thị Minh Th ký 06 sổ tiết kiệm. Đến ngày 23/11/2017, Quỹ tín dụng nhân dân T huy động vốn để ngoài sổ sách kế toán của 953 sổ tiết kiệm của 627 khách hàng với số tiền là 170.092.438.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ không trăm chín hai triệu bốn trăm ba tám ngàn đồng). Số tiền huy động vốn này thì Ngh chỉ đạo cho nhân viên không báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai và Ngh giữ lại rồi chiếm đoạt chi tiêu cho hoạt động cá nhân hết. (Lời khai bị can bút lục số: 1137-1243, Lời khai người liên quan bút lục số: 1265-1301).

*4. VTN lập hồ sơ tín dụng cho vay không có khách hàng thật để thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 73.015.000.000đ (Bảy mươi ba tỷ không trăm mười lăm triệu đồng).*

Từ tháng 6/2012 đến năm 2015, do cần tiền để phục vụ cho hoạt động kinh doanh nên Văn Văn Ngh nảy sinh ý định làm hồ sơ tín dụng khống giả để hợp thức hóa số tiền Ngh lấy kinh doanh cá nhân và sau đó chiếm đoạt. Thực hiện ý định trên, Ngh đến khu vực Bến xe Đồng Nai gặp tên L (không rõ họ, địa chỉ và đã chết năm 2015) nhiều lần mua hồ sơ (không nhớ số lượng hồ sơ) tín dụng giả với giá 500.000đ/bộ gồm: bản photo công chứng giấy Chứng minh nhân dân, bản photo công chứng sổ hộ khẩu, Giấy xác nhận tạm trú mang tên ảo của những người không rõ cư trú tại địa bàn các phường T, T6, Tr4, Q, T2, L2 ... thuộc thành phố B và các xã B1, X, Q, H thuộc huyện Th1 cùng khoảng 80 Giấy đăng ký xe ô tô giả, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 500.000đ/giấy làm tài sản thế chấp để hợp thức hóa số tiền Văn Văn Ngh đã chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Từ tháng 6/2012 đến tháng 11/2017, Văn Văn Ngh chỉ đạo Trần Hữu Th là Phó phòng tín dụng, Nguyễn Phước M là nhân viên tín dụng, Văn Văn C là nhân viên tín dụng làm các hồ sơ tín dụng để hợp thức hóa số tiền Ngh đã chiếm đoạt tại Quỹ tín dụng nhân dân T, D, TB. Tính đến nay còn 76 hồ sơ tín dụng khống chưa tất toán với tổng số tiền là 73.015.000.000đ (Bảy mươi ba tỷ không trăm mười lăm triệu đồng), trong đó Quỹ tín dụng nhân dân T còn 18 hồ sơ tín dụng chưa tất toán với số tiền là 46.404.644.000đ (Bốn mươi sáu tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng); Quỹ tín dụng nhân dân D còn 58 hồ sơ tín dụng chưa tất toán với số tiền là 26.610.000.000đ (Hai mươi sáu tỷ sáu trăm mười triệu đồng). Ngh nói Văn Văn C làm 71 hồ sơ không có khách hàng (quỹ tín dụng nhân dân T 18 hồ sơ không có khách hàng, số tiền khi giải ngân là 50.804.644.000đ (Năm mươi tỷ tám trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn bốn ngàn đồng), dư nợ đến 27/11/2017 là 46.404.644.000đ (Bốn mươi sáu tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn bốn ngàn đồng), quỹ tín dụng nhân dân D 53 hồ sơ không có khách hàng, số tiền khi giải ngân cho vay 23.900.000.000đ (Hai mươi ba tỷ chín trăm triệu đồng), dư nợ gốc



đến ngày 27/11/2017 là 23.810.000.000đ (Hai mươi ba tỷ tám trăm mười triệu đồng); Nguyễn Phước M làm 05 hồ sơ tại quỹ tín dụng nhân dân D, số tiền khi giải ngân cho vay 3.500.000.000đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), dư nợ gốc đến ngày 27/11/2017 là 2.800.000.000đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng). Hồ sơ không có khách hàng do Ngh cung cấp và nhân viên Quỹ thực hiện theo yêu cầu của Ngh đồng thời giao toàn bộ tiền của hồ sơ không có khách hàng cho Ngh giữ rồi Ngh chiếm đoạt.

Riêng đối với hồ sơ tín dụng mang tên khách hàng Nguyễn Văn M thế chấp sổ tiết kiệm vay vốn số hợp đồng KP887/17 ngày 14/11/2017 tại Quỹ tín dụng nhân dân T; Do cần tiền cần đổi trên sổ sách kế toán để bù vào khoản tiền đã sử dụng trước đây nên Ngh trực tiếp chỉ đạo Trần Thị Minh Th, Nguyễn Thị Thanh Th, Văn Thị Mỹ H, Văn Văn C lập hồ sơ tín dụng khách hàng Nguyễn Văn M thế chấp 6 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Văn M để vay số tiền 9.004.644.000đ (Chín tỷ không trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn bốn ngàn đồng), hồ sơ do Văn Văn C làm lấy thông tin các sổ tiết kiệm do ông Nguyễn Văn M sở hữu làm tài sản thế chấp, cụ thể: DK0084585 số tiền vốn gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), DK0084586 số tiền vốn gốc 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng), DK0084417 số tiền vốn gốc 2.135.000.000đ (Hai tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng), DK0084121 số tiền vốn gốc 602.595.000đ (Sáu trăm lẻ hai triệu năm trăm chín lăm ngàn đồng), DK0083922 số tiền vốn gốc 2.140.000.000đ (Hai tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng), DK0083730 số tiền vốn gốc 2.620.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng). Qua điều tra, ông Nguyễn Văn M xác định những sổ tiết kiệm trên vẫn do ông giữ, ông không biết việc các sổ trên bị lấy thông tin để thế chấp vay 9.004.644.000đ (Chín tỷ không trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn bốn ngàn đồng) tại Quỹ tín dụng nhân dân T. (Lời khai bị can bút lục số: 1137-1243. Lời khai người liên quan bút lục số: 1280-1328).

- Căn cứ Bản Kết luận giám định số 237/KLGĐ ngày 15/6/2018 và số 264/KLGĐ ngày 25/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: 17 hồ sơ nêu trên giả chữ ký, hình dấu tròn trong các tài liệu về khách hàng, 01 hồ sơ tên khách hàng Nguyễn Văn M không đủ căn cứ giám định vì hợp đồng chưa có chữ ký của khách hàng số tiền 9.004.644.000đ (Chín tỷ không trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn bốn ngàn đồng) đã bị Ngh lấy ra sử dụng cá nhân; 18 hồ sơ tín dụng giả (01 hồ sơ không có chữ ký, chữ viết khách hàng vay) chưa tât toán với số tiền 46.404.644.000đ (Bốn mươi sáu tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). (Bút lục số: 2434-2442; 2492-2495).

- Căn cứ Bản Kết luận giám định số 267/KLGĐ ngày 29/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T578706 giả chữ ký ông Trịnh Tuấn L (Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành Phố B), ông Nguyễn Duy T (Phó giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường) và giả hình dấu tròn của Ủy ban nhân dân Thành phố B cùng Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất–Phòng Tài nguyên và Môi trường. (Bút lục số: 2480-2480).

- Căn cứ Bản kết luận giám định số 1030/KLGD-BTR1 ngày 23/10/2018 của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bến Tre kết luận: 18 hồ sơ tín dụng có sai phạm về lĩnh vực ngân hàng, 01 hồ sơ tên khách hàng Nguyễn Văn M không có căn cứ để tiến hành giám định. (Bút lục số: 52229-52236)

Qua xác minh, kiểm tra con người tại địa phương theo thông tin trong 17 hồ sơ tín dụng giả, tra cứu tàng thư Chứng minh nhân dân đối với 15/17 số Chứng minh nhân dân tại Đồng Nai xác định: 09 số Chứng minh nhân dân trùng khớp thông tin; 06 số Chứng minh nhân dân không trùng khớp thông tin; 02 số Chứng minh nhân dân thuộc tỉnh Thanh Hóa và Lạng Sơn. Có 16/17 người không đăng ký tạm trú theo hồ sơ tín dụng; 07 người có thông tin đăng ký thường trú tại thành phố B, tuy nhiên những người này không vay vốn cũng như không cho ai mượn giấy tờ, thông tin cá nhân để vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân T.

- Căn cứ Bản kết luận giám định số 514/KLGD ngày 13/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Hình dấu tròn, chữ ký Giám đốc, nhân viên tín dụng, kế toán, thủ quỹ trong 58 hồ sơ tín dụng giả là do các đối tượng ký và được đóng dấu của quỹ tín dụng nhân dân D (chưa tất toán với số tiền dư nợ gốc là 26.610.000.000đ (Hai mươi sáu tỷ sáu trăm mười triệu đồng)).(Bút lục số 3148-3163).

- Căn cứ Bản kết luận giám định số 387, 388 ngày 21/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Đồng Nai kết luận 53 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô làm tài sản thế chấp của 53/58 hồ sơ nêu trên là giả. Cơ quan điều tra xác minh xác định thông tin theo số Chứng minh nhân dân trong hồ sơ như sau 25 không trùng khớp thông tin, không có con người; 33 có thông tin trùng khớp nhưng họ không vay vốn, không cho ai mượn thông tin để vay vốn. (Bút lục số: 45444-45448; 45471-45475).

*5. Nâng khống hạn mức khi khách hàng vay vốn để chiếm đoạt số tiền 167.600.000.000đ (Một trăm sáu mươi bảy tỷ sáu trăm triệu đồng).*

Từ tháng 3/2017 đến tháng 8/2017, sau khi đã chiếm đoạt số tiền là 167.600.000.000đ (Một trăm sáu mươi bảy tỷ sáu trăm triệu đồng) để sử dụng cho mục đích cá nhân, Văn Văn Ngh chỉ đạo nhân viên Quỹ tín dụng chuyển 115 khách hàng từ Quỹ tín dụng nhân dân TB, sang vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân T để làm hồ sơ cho khách hàng theo hạn mức có tài sản thế chấp của khách hàng là quyền sử dụng đất, nhưng giá trị thực tài sản là nhỏ hơn rất nhiều so với tổng dư nợ cho vay, vì khách hàng thật chỉ ký và nhận tiền theo hạn mức 1 (giấy nhận nợ số 1) do Văn Văn T làm 78 hồ sơ, Trần Ngọc L làm 30 hồ sơ, hạn mức 2, hạn mức 3 (giấy nhận nợ số 2, số 3 hồ sơ giả nâng khống hạn mức). Ngh chỉ đạo Trần Thị Minh Th ký duyệt chức danh Giám đốc; Văn Thị Mỹ H ký chức danh Thủ quỹ; Nguyễn Thị Thanh Th ký chức danh kế toán trưởng trực tiếp ký vào 115 hồ sơ, số tiền 167.000.000.000đ (Một trăm sáu mươi bảy tỷ đồng); Nguyễn Phước M làm 04 hồ sơ nâng khống hạn mức, bằng cách tự ký viết tên khách hàng, khách hàng không biết việc này để Ngh chiếm đoạt

5.500.000.000đ (Năm tỷ năm trăm triệu đồng); Văn Văn C làm 01 hồ sơ để Ngh chiếm đoạt 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). (Lời khai bị can bút lục số: 1137-1243. Lời khai người liên quan bút lục số: 1280-1301; 1332-1346).

- Căn cứ Bản kết luận số 319/KLGD ngày 17/8/2018, 326/KLGD ngày 17/8/2018, 331/KLGD ngày 17/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: chữ ký, chữ viết trên phiếu nhận nợ số 2, số 3 tại phần khách hàng không phải là chữ ký, chữ viết của khách hàng vay vốn.

- Ngoài ra trong số 115 hồ sơ nâng khống hạn mức có 02 hồ sơ chưa xác định được cán bộ tín dụng thực hiện làm hồ sơ (HM488/17 Trịnh Thị L, HM531/17-Võ Văn Thanh) với tổng dư nợ cho vay 3.180.000.000đ (Ba tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), trong khi đó khách hàng chỉ vay 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng); Ngh chỉ đạo Th nâng khống hạn mức để Ngh chiếm đoạt 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng). (Bút lục số: 45521-45528; 45859-45879)

*6. Văn Văn Ngh chỉ đạo Quỹ tín dụng nhân dân T chi lương tổng cộng là 319.300.000đ (Ba trăm mười chín triệu ba trăm ngàn đồng) cho 02 người thực tế không nhận tiền lương để Văn Văn Ngh chiếm đoạt.*

Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1984 là vợ cũ của Ngh, địa chỉ trước đây 21/55 khu phố 9, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đến năm 2011 thì định cư tại Mỹ. Để nhằm phục vụ hoạt động của Quỹ tín dụng cũng như việc hợp thực hóa hồ sơ khống, vào năm 2014 thì Ngh đưa tên Nguyễn Thị Thu Tr đưa vào Ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân T; Khi hợp thực hóa hồ sơ khống phải có chữ ký của Ban kiểm soát Quỹ tín dụng thì Ngh tự ký giả tên Nguyễn Thị Thu Tr vào ô chữ ký của Ban kiểm soát Quỹ tín dụng. Vì có tên trong Ban kiểm soát nên Ngh chỉ đạo hàng tháng nhân viên Quỹ tín dụng là Huỳnh Thị Mỹ D (cháu gọi Ngh là cậu ruột), ngụ khu phố 2, phường P, thị xã L4, tỉnh Đồng Nai là kế toán, Văn Thị Mỹ H là thủ quỹ, Trần Thị Hồng L là giám đốc, Trần Thị Minh Th là kế toán trưởng lập danh sách phát lương cho Trang và đưa tiền lương của Nguyễn Thị Thu Tr cho Ngh nhận tổng cộng là 161.800.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu tám trăm ngàn đồng) để Ngh sử dụng hết.

Võ Khắc T, sinh ngày 15/7/1964, nơi cư trú A59 khu phố 1, phường T, thành phố B được bà Nguyễn Thị Thanh H là vợ ông Võ Khắc H (nguyên Phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai); Với cách thức như trên, Ngh đưa vào danh sách nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân T để tiếp tục tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Do T không làm việc, không nhận lương và tiền đóng bảo hiểm xã hội hàng quý thì T tự đóng. Vì có danh sách nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân T nên Ngh chỉ đạo hàng tháng nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân T lập danh sách phát lương cho Tài và đưa tiền lương của Tài cho Ngh tổng cộng là 157.400.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng) để Ngh sử dụng hết. (Lời khai bị can bút lục số: 1137-1243. Lời khai người liên quan bút lục số: 1280-1301; 1364-1367).

*7. Đến thời điểm năm 2017 bị phát hiện vi phạm pháp luật thì Văn Văn Ngh đã thành lập 11 Công ty Chi nhánh để phục vụ hoạt động của Công ty trách*

*nhệm hữu hạn một thành viên VTN mục đích tăng quy mô hoạt động; tự chủ trong kinh doanh giảm bớt chi phí hoạt động, tăng lợi nhuận... sẽ thành tập đoàn VTN. Thực chất các doanh nghiệp này là không có vốn hoặc lấy từ nguồn vốn huy động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T, D, TB chuyển sang để hoạt động và chiếm đoạt thể hiện.*

Công ty cổ phần đầu tư P cảng Việt Nam địa chỉ tại 143/7 khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp 0310004727, đăng ký lần đầu ngày 20/5/2010 và đã nhiều lần thay đổi đăng ký. Năm 2015, ông H là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn khảo sát thiết kế H.C.M bán lại cho Ngh với giá 0 đồng. Sau khi hoàn tất thủ tục, Ngh nhờ Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn khảo sát thiết kế H.C.M, Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán TD cùng đứng tên cổ phần nhưng thực chất không có đồng vốn nào. Công ty cổ phần đầu tư P cảng Việt Nam là do Ngh tự chủ và làm Tổng giám đốc - Đại diện theo pháp luật; Từ năm 2016, Công ty cổ phần đầu tư P cảng Việt Nam chỉ là trên giấy tờ, không có vốn, không hoạt động.

Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN địa chỉ tại 21/55 khu phố 9, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp 0312242798, đăng ký lần đầu ngày 17/4/2013 và đã nhiều lần thay đổi đăng ký. Năm 2015, Ngh mua lại cổ phần Công ty này của ông H, ông N, anh Ph với giá 5000.000đ. Sau đó nhờ ông Nguyễn Văn H (anh rể), Huỳnh Thị Mỹ D (cháu), Trần Thị Hồng L (vợ) đứng tên cổ phần, Ngh thuê ông Nguyễn Văn H làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc- đại diện theo pháp luật, đến năm 2016, Ngh làm thủ tục trên giấy tờ để Trần Thị Hồng L chuyển nhượng cổ phần cho Trần Công Q H (em vợ) và thay đổi đăng ký; Thực chất toàn bộ vốn là của Ngh, chỉ nhờ những người trên đứng tên không có góp vốn.

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại xây dựng D địa chỉ tại lầu 2 số 6 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp 3603225633, đăng ký lần đầu ngày 12/11/2014 và đã nhiều lần thay đổi đăng ký. Toàn bộ vốn là của Ngh và nhờ Trần Thị Hồng L (vợ), Trần Công Q H (em vợ), Văn Thị Thu H (cháu ruột) đứng tên cổ phần và giao cho Thu Hương làm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư BOT Quốc lộ 53 LB địa chỉ tại tổ 7, ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, có mã số doanh nghiệp 1501027131, đăng ký lần đầu ngày 23/6/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/3/2017; Công ty này Ngh nhận chuyển nhượng từ Công ty cổ phần GT. Toàn bộ vốn là của Văn Văn Ngh do Ngh làm Giám đốc - Đại diện theo pháp luật.

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư quốc tế VTN Group địa chỉ tại lầu 3 số 6 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp 3603456824, đăng ký lần đầu ngày 11/4/2017. Công ty này do Ngh tự chủ và giao cho Trần Công Q H (em vợ) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật; Thực tế công ty này không có vốn và chưa hoạt động.

Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình VTN địa chỉ tại lầu 2 số 6 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp

3603458772, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017. Công ty là do Ngh tự chủ và nhờ Trần Công Q H (em vợ) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật; Thực chất Công ty không có vốn và chưa hoạt động.

Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN (Nhà hàng Tk) địa chỉ tại 234 V, phường Th1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số 3600993034-006, đăng ký lần đầu ngày 20/4/2017, kinh doanh ăn uống cụ thể là nhà hàng Tk. Đây là chi nhánh do Ngh tự chủ 100% vốn và nhờ nhân viên là Từ Bích T, sinh năm 1988 đứng tên quản lý.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại sản xuất vật liệu xây dựng VTP địa chỉ tại lầu 1 số 6 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp 3603466815, đăng ký lần đầu ngày 26/5/2017. Ngh là người tự chủ thành lập và giao Trần Thị Hồng L (vợ) làm Giám đốc- Người đại diện theo pháp luật, thực tế Công ty không có vốn và chưa hoạt động.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn đầu tư quốc tế VTT địa chỉ tại lầu 4 số 6 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp 3603467336, đăng ký lần đầu ngày 30/5/2017. Công ty do Ngh tự chủ và giao cho Trần Công Q H (em vợ) làm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật, thực chất công ty không có vốn và chưa hoạt động.

Công ty cổ phần thương mại dịch vụ giao thông vận tải VTN địa chỉ tại lầu 5 số 6 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp 3603469372, đăng ký lần đầu ngày 07/6/2017. Công ty do Ngh tự chủ và nhờ một số người thân đứng tên cổ phần nhưng thực tế họ không góp vốn. Ngh giao cho Văn Văn L (anh ruột) làm Giám đốc- Người đại diện theo pháp luật. Công ty này thực tế không có tài sản, mới thuê mua tài chính 10 xe khách giường nằm của Công ty trách nhiệm hữu hạn cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.

Công ty cổ phần địa ốc HKP địa chỉ tại lầu 1 số 6 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mã số doanh nghiệp 3603500946, đăng ký lần đầu ngày 26/10/2017. Công ty này do Ngh tự chủ thành lập và nhờ người khác đứng tên cổ phần nhưng không góp vốn. Thực chất công ty này không có vốn và giao cho Trần Thị Hồng L (vợ) làm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật. Văn Văn Ngh đã sử dụng tiền chiếm đoạt từ nguồn vốn huy động của Quỹ tín dụng nhân dân T, D, TB để phục vụ làm dự án, cụ thể lấy 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng) để giao dịch đền bù đất ứng trước để phục vụ dự án xây dựng công trình nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại đường V, phường Th1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Bút lục số 625-831).

*7.1. Văn Văn Ngh dùng số tiền 18.808.679.401đ (Mười tám tỷ tám trăm lẻ tám triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm lẻ một đồng) chiếm đoạt từ Quỹ tín dụng nhân dân T đặt cọc mua dự án V-Citylight tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với danh Ngh Công ty cổ phần xây lắp vật tư PN.*

Ngày 19/10/2017, Văn Văn Ngh cùng Nguyễn Văn H là Chủ tịch hội đồng quản trị- Đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN tham gia đấu giá dự án V-City light tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 20/10/2017. Ngày 24/10/2017, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh

Đồng Nai có thông báo số 595A là Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN trúng thầu dự án đấu giá với giá trị tài sản là 376.173.588.024đ (Ba trăm bảy mươi sáu tỷ một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi tám nghìn không trăm hai mươi bốn đồng) và Văn Văn Ngh dùng số tiền 18.808.679.401đ (Mười tám tỷ tám trăm lẻ tám triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm lẻ một đồng) chiếm đoạt từ Quỹ tín dụng nhân dân T chuyển khoản vào tài khoản của Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá Đồng Nai là C Chi nhánh khu công nghiệp B để đặt cọc tham gia đấu giá dự án V-Citylight. Tuy nhiên, Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN không thể thanh toán số tiền đấu thầu còn lại vì Văn Văn Ngh bị điều tra về sai phạm tại Quỹ tín dụng nhân dân T do đó tháng 02/2018, ông H có kiến nghị với C Chi nhánh khu công nghiệp B xin hủy kết quả đấu giá ngày 20/10/2017 và xin hoàn lại số tiền đã đặt cọc. Cơ quan An ninh điều tra có văn bản số 93 ngày 21/3/2018 gửi C Chi nhánh khu công nghiệp B đề nghị tạm ngưng không cho cá nhân, pháp nhân nào rút số tiền 18.808.679.401đ (Mười tám tỷ tám trăm lẻ tám triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm lẻ một đồng) để thu hồi. Hiện đang ngăn chặn giao dịch số tiền 18.808.679.401đ (Mười tám tỷ tám trăm lẻ tám triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm lẻ một đồng) để đảm bảo thi hành án.

*7.2. Văn Văn Ngh dùng số tiền 22.500.000.000đ (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng) chiếm đoạt từ Quỹ tín dụng nhân dân T và nhiều lần chuyển tiền để đầu tư xây dựng Chung cư nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ HKP.*

Khoảng năm 2015, thông qua Trần Quốc T nguyên Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai, Văn Văn Ngh biết Nguyễn Việt Hoài V là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Đ đồng thời cũng là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Mầm non T đang cần vốn đầu tư vào dự án Chung cư nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ HKP tại đường V, phường Th1, thành phố B. Văn Văn Ngh đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN đã ký với ông Nguyễn Việt Hoài V là đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Đ và bà Phạm Kim L là chủ đất để đầu tư xây dựng Chung cư nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ HKP, Văn Văn Ngh dùng số tiền 22.500.000.000đ (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng) chiếm đoạt từ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T và nhiều lần chuyển tiền để đầu tư xây dựng Chung cư nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ HKP.

Làm việc với Cơ quan an ninh điều tra, ông Nguyễn Việt Hoài V cam kết sẽ nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan An ninh điều tra toàn bộ số tiền đã nhận từ Ngh đã đầu tư vào dự án tổng cộng 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ đồng) trong đó có 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) là tiền lãi phát sinh từ số tiền Ngh đã đầu tư vào dự án. Tuy nhiên đến ngày 11/3/2019, ông Văn mới nộp 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan an ninh điều tra để thanh lý hợp đồng giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Đ với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN.

Hiện Cơ quan an ninh điều tra đang tiếp tục yêu cầu ông Nguyễn Việt Hoài V thực hiện đúng cam kết nộp đủ 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ đồng) để đảm bảo thi hành án.

*7.3. Văn Văn Ngh dùng số tiền 71.400.000.000đ (Bảy mươi một tỷ bốn trăm triệu đồng) chiếm đoạt từ Quỹ tín dụng nhân dân T mua 51% vốn góp cổ phần của Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa THP.*

Năm 2004, Nguyễn Thế Th là bác sĩ, thành viên góp vốn Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa THP tại phường Tr4, thành phố B quen biết khi Thử khám chữa bệnh cho Văn Văn Ngh; Từ năm 2014 đến 2017, Thử nhiều lần vay tiền của Ngh để đầu tư vào bệnh viện, thanh toán công nợ với thỏa thuận lãi suất vay từ 2-6%/tháng, tính đến tháng 3/2017, ông Th đã nợ của Ngh 50.000.000.000đ (Năm mươi tỷ đồng) cả gốc lẫn lãi có giấy biên nhận. Sau đó hai bên Th1 hợp thức hóa số tiền vay gốc và lãi bằng hình thức hợp đồng góp vốn ngày 24/01/2017, 20/3/2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN và Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa THP. Đến ngày 10/7/2017, để giải quyết số nợ đã lên 60.000.000.000đ (Sáu mươi tỷ đồng) cả gốc và lãi thì Thử cùng Ngh tiếp tục thỏa thuận về việc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN tham gia góp vốn mua 51% cổ phần Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa THP thể hiện giấy viết tay “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN đã nhận 60.000.000.000đ (Sáu mươi tỷ đồng) tiền trả nợ từ Bệnh viện đa khoa THP. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN đã trả 60.000.000.000đ (Sáu mươi tỷ đồng) tiền mua 51 % vốn điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện Đa khoa THP”. Ngày 12/7/2017, Nguyễn Thị H (vợ Th) là đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa THP đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCNV cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN với người đại diện là bà Trần Thị Hồng L, chuyển nhượng 51% cổ phần tương đương 71.400.000.000đ (Bảy mươi một tỷ bốn trăm triệu đồng). Ngày 17/7/2017, phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Đăng ký thay đổi lần thứ 12 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa THP với người đại diện pháp luật là bà Trần Thị Hồng L.

Văn Văn Ngh thừa nhận tất cả số tiền trên danh Ngh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN mua cổ phần của bệnh viện THP cũng như số tiền 29.000.000.000đ (Hai mươi chín tỷ đồng) do bà Trần Thị Hồng L đứng tên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện THP vay đều từ nguồn vốn huy động vốn của Quỹ tín dụng nhân dân T. Ngày 21/12/2018, Cơ quan an ninh điều tra đã có văn bản số 356/ANĐT (Đ3) đề nghị phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai ngăn chặn chuyển nhượng 51% cổ phần của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa THP vẫn đang tranh chấp do chưa Th1 về số tiền nhận chuyển nhượng 51% cổ phần. Kết quả giải quyết tranh chấp sẽ được thu hồi để đảm bảo thi hành án.

*II. Tiền huy động vốn của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T, TB, D gửi lại tại các tổ chức tín dụng là sau đó rút ra sử dụng chiếm đoạt cho cá nhân.*

Quỹ tín nhân dân T thì gửi tiết kiệm với tên chủ sở hữu trên sổ tiết kiệm là Văn Văn Ngh và hợp đồng gửi tiền tên chủ sở hữu là Quỹ tín dụng nhân dân T, tổng số tiền lũy kế từ ngày 01/01/2017 đến ngày 23/11/2017 là 426.000.000.000đ (Bốn trăm hai mươi sáu tỷ đồng). Trong đó có 80.000.000.000đ (Tám mươi tỷ đồng) với 16 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng B Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai; 100.000.000.000đ (Một trăm tỷ đồng) với 20 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng S Chi nhánh Đồng Nai; 6.000.000.000đ (Sáu tỷ đồng) với 01 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng P Chi nhánh Đồng Nai của sổ tiết kiệm số TV2374187 ngày 09/3/2017 cầm cố vay 5.400.000.000đ (Năm tỷ bốn trăm triệu đồng) chưa tất toán; 40.000.000.000đ (Bốn mươi tỷ đồng) với 08 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng O Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai; 20.000.000.000đ (Hai mươi tỷ đồng) với 01 hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần B; 180.000.000.000đ (Một trăm tám mươi tỷ đồng) với 05 hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng P Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai. Sau đó toàn bộ số tiền trên thì Ngh tự rút tiền hoặc nhờ nhân viên làm thủ tục rút tiền giao lại cho Ngh sử dụng cá nhân.

Quỹ tín dụng nhân dân D thì gửi tiết kiệm với tên chủ sở hữu trên sổ tiết kiệm Trần Thị Bích L là Chủ tịch hội đồng quản trị, sau đó Ngh làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Ngh và khi đến hạn Ngh rút tiền ra sử dụng cá nhân hoặc khi gửi mang tên Văn Văn Ngh thì Ngh mang chuyển nhượng cho Trần Thị Bích L rồi L chuyển nhượng cho Trần Thị Hồng L để Lan rút ra đưa Ngh sử dụng cá nhân. Để sử dụng được số tiền trên, Ngh đã chỉ đạo Trần Thị Bích L; Văn Văn A là giám đốc; Đặng Trần Hiệp là kế toán trưởng; Thái Thị Thu H và Bùi Thị Thúy A là thủ quỹ lập các phiếu chi hợp thức hóa việc Văn Văn Ngh lấy 27.000.000.000đ (Hai mươi bảy tỷ đồng) với 07 sổ tiết kiệm của Quỹ tín dụng nhân dân D gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch T thuộc Ngân hàng S Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai tên cá nhân của Ngh hoặc người thân của Ngh và sau đó rút tiền chuyển lại cho Ngh. Tính đến tháng 10/2016, đối với 04 sổ tiết kiệm với số tiền 18.000.000.000đ (Mười tám tỷ đồng), gồm sổ tiết kiệm số 1121508014020001 ngày 20/9/2016 với số tiền gửi là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), số 1121105255980037 ngày 03/10/2016 với số tiền gửi 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), số 1121105255980039 ngày 04/10/2016 với số tiền gửi 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), số 1121105255980038 ngày 04/10/2016 với số tiền gửi 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) đang gửi tại Phòng giao dịch T thuộc Ngân hàng S Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai thì Ngh chỉ đạo Văn Văn A làm các phiếu chi tiền mặt người ký nhận là Trần Thị Bích L để Ngh lấy tiền của Quỹ tín dụng nhân dân D gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch T S Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai và sổ tiết kiệm gốc do Ngh giữ (Quỹ tín dụng nhân dân D chỉ giữ bản photo để nhập thể hiện số tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trên bảng cân đối kế toán). Đến ngày 23/11/2017, Ngh đã rút sử dụng cá nhân 14.000.000.000đ (Mười bốn tỷ đồng) và được cân trừ vào 26.610.000.000đ (Hai



mười sáu tỷ sáu trăm mười triệu đồng) của 58 hồ sơ tín dụng không, còn lại 13.000.000.000đ (Mười ba tỷ đồng) thì Ngh báo cáo còn số dư tiền gửi nhưng Ngh đã rút ra sử dụng hết. Ngh làm thủ tục chuyển nhượng chủ sở hữu các sổ tiết kiệm mục đích để báo cáo Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai là tiền huy động vốn của 3 Quỹ tín dụng nhân dân được gửi tại các tổ chức tín dụng khác và rút ra sử dụng cá nhân.

Ngày 16/11/2017 Ngh chỉ đạo Văn Văn A mang 3.899.591.000đ (Ba tỷ tám trăm chín mươi chín triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng) là tiền của Quỹ tín dụng nhân dân D đến gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân T. Ngày 17/11/2017, Ngh trả lại 1.322.023.000đ (Một tỷ ba trăm hai mươi hai triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng) để Văn Văn A trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân D và Ngh chiếm đoạt số tiền còn lại là 2.577.568.000đ (Hai tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân TB đã huy động tiền của người dân gửi được đến tháng 11/2017 là 300.000.000.000đ (Ba trăm tỷ đồng), Văn Văn Ngh chỉ đạo thủ quỹ là Trần Ngọc Thu L (em ruột Trần Thị Hồng L) nhiều lần xuất tiền để Trần Thị Hồng L mang gửi tiết kiệm tại ngân hàng tín dụng khác với tên khách hàng Trần Thị Hồng L và hợp đồng tiền gửi với tên chủ sở hữu là Quỹ tín dụng nhân dân TB. Ngày 21/6/2017 Ngh trả lại 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng) để nhập lại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TB. Còn lại là 290.000.000.000đ (Hai trăm chín mươi tỷ đồng) Ngh chỉ đạo L rút hết giao lại cho Ngh sử dụng gồm 30.000.000.000 (Ba mươi tỷ đồng) để trả cho Dương Văn T, đầu tư dự án BOT và góp vốn cổ phần Bệnh viện THP. Nhưng ngày 23/11/2017, Ngh chỉ đạo cho nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân TB báo cáo số dư là 119.054.800.000đ (Một trăm mười chín tỷ không trăm năm mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó gửi 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng) với 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng O Chi nhánh Đồng Nai; 54.000.000.000đ (Năm mươi bốn tỷ đồng) với 01 sổ tiết kiệm và 01 hợp đồng gửi tiền tại Ngân hàng B Chi nhánh Đồng Nai; 50.000.000.000đ (Năm mươi tỷ đồng) với 01 hợp đồng gửi tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh Đồng Nai; 5.054.800.000đ (Năm tỷ không trăm năm mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) với 01 hợp đồng gửi tiền tại Ngân hàng P Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai.

### ***III. Văn Văn Ngh dùng số tiền đã chiếm đoạt cùng số tiền huy động tại các quỹ tín dụng T, TB, D để mua sắm các tài sản.***

*1. Văn Văn Ngh mua trực tiếp đứng tên, nhờ người thân hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN đứng tên bất động sản đất, nhà tại tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh. Theo Chứng thư thẩm định giá số 238/CT-THM ngày 05/4/2019 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và TVĐT Xây dựng Thế Hệ Mới xác định 40 thửa đất đã được kê biên có giá trị định giá là 449.925.296.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín sáu nghìn đồng).*

- Khoảng năm 2014, Văn Văn Ngh nhờ em vợ là Trần Công Q H, sinh năm 1972, ngụ tại số 9 đường Tr2, khu phố 2, phường T2, thành phố B là người không đóng góp cổ phần đứng tên trên danh Ngh các Công ty cổ phần do Ngh thành lập đứng tên chủ sở hữu mua đối với 05 thửa đất tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai gồm Thửa đất số 332, tờ bản đồ số 40 có diện tích 99,2m<sup>2</sup> được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ201178 ngày 03/02/2016; Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 40 diện tích 590,8m<sup>2</sup> được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ155595 ngày 03/6/2016; Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 40 diện tích 606,8m<sup>2</sup> được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số CĐ155587 ngày 03/6/2016; Thửa đất số 349, tờ bản đồ số 40 diện tích 598,8m<sup>2</sup> được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ155588 ngày 03/06/2016; Thửa đất số 351, tờ bản đồ số 40 diện tích 582,9m<sup>2</sup> được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ155590 ngày 03/6/2016.

- Ngày 9/3/2013, Văn Văn Ngh nhờ Trần Thị Hồng L đứng tên mua 08 thửa đất có diện tích mỗi thửa là 75m<sup>2</sup> gồm thửa đất số 654, 655, 656, 657, 658, 660, 661, 663 tờ bản đồ số 38 tại xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK012547 ngày 5/9/2012 của Công ty cổ phần TK, ngày 17/6/2015, Trần Thị Hồng L làm thủ tục chuyển nhượng lại cho Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại xây dựng hạ tầng D.

- Ngày 4/5/2017, Văn Văn Ngh nhận chuyển nhượng thửa đất số 773, tờ bản đồ số 36 có diện tích 107,3m<sup>2</sup>, trên đất có 01 căn nhà cấp 3 tại phường Tr4, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD944435 ngày 20/05/2016.

- Văn Văn Ngh nhận chuyển nhượng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 22 có diện tích 707m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tại xã Th1, huyện B, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE381951, chủ sử dụng đất là Văn Văn Ngh và vợ là Trần Thị Hồng L.

- Ngày 7/11/2017, Văn Văn Ngh nhận chuyển nhượng căn hộ 94A3 (tầng 1) có diện tích 31,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 50 chung cư Tr, phường 9, quận Ph, thành phố Hồ Chí Minh, được Ủy ban nhân dân quận Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số CC 889832 ngày 14/3/2016.

- Văn Văn Ngh nhận chuyển nhượng đồng thời trực tiếp đứng tên Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 05 có diện tích 6.231m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tại xã L7, C, Đồng Nai, theo hệ thống bản đồ địa chính năm 1996 xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 947602 ngày 12/11/2010.

- Văn Văn Ngh nhận chuyển nhượng đồng thời trực tiếp đứng tên Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 05 có diện tích 1.643m<sup>2</sup> tại xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 947603 ngày 12/11/2010.

- Ngày 15/8/2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 26395.709271.CN.VP đối với các thửa đất số 62, 63, 64, 65 tờ bản đồ số 02 có diện tích 9.717m<sup>2</sup> tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 829592 ngày 21/10/1999.

- Ngày 17/12/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN nhận chuyển nhượng thửa đất số 576, tờ bản đồ số 36 có diện tích 186,6m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 4 sử dụng làm trụ sở Phòng giao dịch Tr4 Quỹ tín dụng nhân dân T tại phường Tr4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V291304 ngày 03/09/2002.

- Ngày 14/01/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN nhận chuyển nhượng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 54 có diện tích 178m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 4 sử dụng làm trụ sở Quỹ tín dụng nhân dân D tại xã B1, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện Th1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ838430 ngày 08/06/2006.

- Ngày 24/6/2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN nhận chuyển nhượng thửa đất số 538, tờ bản đồ số 17 có diện tích 118,1m<sup>2</sup> tại xã G, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện Th1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ202896 ngày 30/10/2013.

- Khoảng năm 2017, Văn Văn Ngh nhờ cháu là Văn Thị Thu H, sinh năm 1984, được Ngh thuê làm Phó giám Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN là người không đóng góp cổ phần trong các công ty của Ngh đứng tên chủ sở hữu mua thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 có diện tích 334,5m<sup>2</sup> tại phường P, thị xã L4, tỉnh Đồng Nai, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI301141 ngày 10/07/2017. Sau đó, Ngh bảo Hương dùng tài sản này đã đứng tên thế chấp vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) lấy tiền đưa cho Ngh tại Ngân hàng O Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng cho vay số ND.0042/2017-HĐCV/O.DONGNAI ngày 18/7/2017, giá trị tài sản đảm bảo là 1.334.000.000đ (Một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu đồng).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN nhận chuyển nhượng thửa đất số 38, tờ bản đồ số 4 có diện tích 339,2m<sup>2</sup> trên đất có 01 công trình xây dựng cấp 3 có tổng diện tích sàn 2.003,20m<sup>2</sup>, theo giấy phép số 182/GPXD-UBND ngày 15/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B tại phường T, thành phố B được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA914001 ngày 12/08/2015. Được Ngh thế chấp vay 14.932.173.950đ (Mười bốn tỷ chín trăm ba hai triệu một trăm bảy ba ngàn chín trăm năm mươi đồng) tại Ngân hàng C Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT680 ngày 12/10/2016, có giá trị tài sản đảm bảo 30.554.000.000đ (Ba mươi tỷ năm trăm năm bốn triệu đồng).

- Ngày 8/6/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN nhận chuyển nhượng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 có diện tích 68,8m<sup>2</sup> tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG616441 ngày 11/08/2011.

Ngày 19/10/2015, Văn Văn Ngh nhận chuyển nhượng thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 39 có diện tích 9.568m<sup>2</sup> tại xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện Tr1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK552054 ngày 20/05/2013. Cùng ngày 19/10/2015, Ngh nhận chuyển nhượng 03 thửa đất gồm thửa đất số 2538, tờ bản đồ số 39 có diện tích 39.169m<sup>2</sup>; Thửa đất số 2539, tờ bản đồ số 39 có diện tích 65,5m<sup>2</sup>; Thửa đất số 2569, tờ bản đồ số 39 có diện tích 320,8m<sup>2</sup> cùng tại xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai theo hồ sơ công chứng số 26263.131210.CN.VP được tách từ thửa đất số 117 tờ bản đồ số 39 xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 117 tờ bản đồ số 39 xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện Tr1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL663693 ngày 03/4/2008 cho ông Đoàn Văn T và bà Hg Thị H.

Văn Văn Ngh nhận chuyển nhượng đồng thời trực tiếp đứng tên các Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 50 có diện tích 490,4m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tại phường T, thành phố B được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701221007 ngày 15/11/2004; Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 55 có diện tích 287,8m<sup>2</sup> tại phường T được Ủy ban nhân dân thành phố B, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL502302 ngày 10/10/2012; Ngày 13/7/2009, Ngh nhận chuyển nhượng Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 25 có diện tích 220,8m<sup>2</sup> tại phường H được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701202442 ngày 18/04/2003; Ngày 02/4/2015, Ngh nhận chuyển nhượng Thửa đất số 199, tờ bản đồ số 2 có diện tích 72m<sup>2</sup> tại phường T8 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD544042 ngày 27/10/2005, chủ sử dụng đất là Văn Văn Ngh.

Chín thửa đất cùng tài sản là 01 trạm trộn bê tông nhựa nóng, 01 xe du lịch biển số 60A-191.99 được Văn Văn Ngh dùng thế chấp vay Ngân hàng B Chi nhánh Đồng Nai trong hạn mức 29.906.934.390đ (Hai mươi chín tỷ chín trăm lẻ sáu triệu chín trăm ba bốn nghìn ba trăm chín mươi đồng) theo Hợp đồng số 01/2017/2837428/HĐTD ngày 03/8/2017, trong đó tổng giá trị là 4 thửa đất tại xã S1 có giá trị tài sản đảm bảo là 12.012.000.000đ (Mười hai tỷ không trăm mười hai triệu đồng); tổng giá trị tài sản đảm bảo trong tổng giá trị 4 thửa đất tại phường T, H, T8 là 11.073.000.000đ (Mười một tỷ không trăm bảy ba triệu); giá trị tài sản đảm bảo thửa đất tại phường T 990.000.000đ (Chín trăm chín mươi triệu đồng).

- Văn Văn Ngh nhận chuyển nhượng đồng thời trực tiếp đứng tên các thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47 có diện tích 9.910,9m<sup>2</sup> tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CD236990 ngày 01/02/2016. Ngày 23/9/2016, Ngh nhận chuyển nhượng thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43 có diện tích 1.184,6m<sup>2</sup> tại xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB927775 ngày 06/11/2015.

Ngày 15/4/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN nhận chuyển nhượng thửa đất số 323, tờ bản đồ số 46 có diện tích 362,3m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn biệt thự tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU619131 ngày 4/11/2015. Ngày 5/4/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN tiếp tục nhận chuyển nhượng thửa đất số 120, tờ bản đồ số 16 có diện tích 148,9m<sup>2</sup> tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ756905 ngày 25/02/2011. Ngày 4/8/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN tiếp tục nhận chuyển nhượng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 4 có diện tích 66m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG616606 ngày 18/08/2011. Ngày 16/6/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN tiếp tục nhận chuyển nhượng thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43 diện tích 558,7m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 3 tại xã L7, huyện C, Đồng Nai được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB427563 ngày 14/09/2015.

Bốn thửa đất trên được cùng hai thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47 có diện tích 9.910,9m<sup>2</sup> tại xã A; thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43 có diện tích 1.184,6m<sup>2</sup> tại xã L7 được, tổng cộng là sáu thửa đất được Ngh thế chấp vay trong hạn mức 25.366.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ ba trăm sáu sáu triệu đồng) tại Ngân hàng P Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 9100/17/HĐTDHM-PN/135 ngày 26/6/2017, trong đó giá trị tài sản đảm bảo của thửa đất số 323, tờ bản đồ số 46 có diện tích 362,3m<sup>2</sup> tại phường T là 11.824.000.000đ (Mười một tỷ tám trăm hai mươi bốn triệu đồng); giá trị tài sản đảm bảo thửa đất số 120, tờ bản đồ số 16 có diện tích 148,9m<sup>2</sup> tại phường Q là 7.040.000.000đ (Bảy tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng); giá trị tài sản đảm bảo thửa đất số 29, tờ bản đồ số 4 có diện tích 66m<sup>2</sup> tại phường T là 2.373.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm bảy ba triệu đồng); giá trị tài sản đảm bảo thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43 diện tích 558,7m<sup>2</sup> tại xã L7 là 1.979.000.000đ (Một tỷ chín trăm bảy chín triệu đồng); giá trị tài sản đảm bảo thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47 có diện tích 9.910,9m<sup>2</sup> tại xã A là 10.045.000.000 đồng (Mười tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu đồng); giá trị tài sản đảm bảo thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43 có diện tích 1.184,6m<sup>2</sup> tại xã L7 là 3.693.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm chín ba triệu đồng).

- Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4 có diện tích 7.734,1m<sup>2</sup> tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE286802 ngày 05/07/2011 cho chủ sử dụng là Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh Đồng Nai; Ngày

17/5/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh Đồng Nai đã chuyển nhượng lại cho Công ty Cổ phần vật tư xây lắp PN. Thửa đất này đang xảy ra tranh chấp do Ngh thuê làm Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN chuyển nhượng 51.000.000.000đ (Năm mươi một tỷ đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q tại 109 đường Ng2, phường Ng3, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2013, Ngh mua lại toàn bộ cổ phần Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN (trụ sở tại quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) với giá 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), thanh toán bằng tiền mặt lấy từ Quỹ tín dụng nhân dân T; Năm 2015 hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Ngh nhờ 03 người đứng tên cổ đông của công ty cổ phần vật tư xây lắp PN là: Nguyễn Văn H (anh rể Ngh) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc đứng tên 33,33% cổ phần, tương ứng với 150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng), Trần Công Q H (em ruột của vợ Ngh) thành viên Hội đồng quản trị đứng tên 33,33% cổ phần, tương ứng với 150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng), Huỳnh Thị Mỹ D (cháu ruột Ngh) thành viên Hội đồng quản trị đứng tên 33,33% cổ phần, tương ứng với 150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Thực chất Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN là do Ngh lấy tiền từ Quỹ tín dụng nhân dân T để mua toàn bộ cổ phần và là người điều hành mọi hoạt động. Năm 2016, Ngh lấy tiền từ Quỹ tín dụng nhân dân T với danh Ngh Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN mua đất thửa số 36, tờ bản đồ số 4 có diện tích 7.734,1m<sup>2</sup> tại phường T thông qua đấu giá tài sản của Ngân hàng C Chi nhánh Đồng Nai với giá 43.000.000.000đ (Bốn mươi ba tỷ đồng) và chuyển tiền vào tài khoản của Công ty đấu giá Đồng Nai. Ngày 25/11/2017, Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN có đại diện là ông Nguyễn Hảo H là Phó giám đốc làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Công ty trách nhiệm hữu hạn Q do đại diện là ông Nguyễn Quốc Th là Giám đốc với giá 51.000.000.000đ (Năm mươi một tỷ đồng) được lập tại Văn phòng công chứng HL tỉnh Đồng Nai.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan an ninh điều tra có văn bản số 138/ANĐT ngày 30/11/2017 gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất này để đảm bảo khắc phục thi hành án.

*2. Văn Văn Ngh dùng số tiền 25.000.000.000đ (Hai lăm tỷ đồng) chiếm đoạt từ Quỹ tín dụng nhân dân T làm chứng thư bảo lãnh thi công dự án BOT Quốc lộ 53 LB đoạn Vĩnh Long - Trà Vinh.*

Sau hoàn tất việc mua cổ phần của Công ty cổ phần xây lắp CL, Công ty cổ phần TTS, Công ty cổ phần đầu tư P và xây dựng HA, Công ty cổ phần GT ngày 8/9/2017, Văn Văn Ngh đại diện nhà đầu tư là liên doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN- Công ty cổ phần GT cùng đại diện doanh nghiệp dự án là Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư BOT Quốc lộ 53 đoạn LB đã ký hợp đồng chuyển giao dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 53 đoạn LB trên địa bàn 02 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh theo phụ lục hợp đồng số 01-PLHD-03/BOT-BGTVT tháng 9/2017.

Văn Văn Ngh dùng pháp nhân là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN vay 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ đồng) của Ngân hàng thương mại cổ phần P thành phố Hồ Chí Minh Chi nhánh - Sở giao dịch Đồng Nai (P) bằng hợp đồng tín dụng số 9100/17/HĐTDHM-PN/135 ngày 26/6/2017 được giải ngân bởi 2 đợt là Khế ước nhận nợ số 9100/17/HĐTDHM-PN/135/ĐNGN-KUNN/PN-01 ngày 28/6/2017 giá trị giải ngân 18.836.000.000đ (Mười tám tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu đồng); Khế ước nhận nợ số 9100/17/HĐTDHM-PN/135/ĐNGN-KUNN/PN-02 ngày 21/7/2017 giá trị giải ngân 9.487.000.000đ (Chín tỷ bốn trăm tám bảy triệu đồng). Toàn bộ dư nợ khoản vay trên được thế chấp có tài sản đảm bảo là 6 thửa đất được bảo đảm với số tiền 36.954.000.000đ (Ba mươi sáu tỷ chín trăm năm bốn triệu đồng) gồm: thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47 có diện tích 9.910,9m<sup>2</sup> tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai là 10.045.000.000 đồng (Mười tỷ không trăm bốn trăm triệu đồng); thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43 có diện tích 1.184,6m<sup>2</sup> tại xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai là 3.693.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm chín ba triệu đồng); thửa đất số 323, tờ bản đồ số 46 có diện tích 362,3m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn biệt thự tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai là 11.824.000.000đ (Mười một tỷ tám trăm hai mươi bốn triệu đồng); thửa đất số 120, tờ bản đồ số 16 có diện tích 148,9m<sup>2</sup> tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là 7.040.000.000đ (Bảy tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng); thửa đất số 29, tờ bản đồ số 4 có diện tích 66m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là 2.373.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm bảy ba triệu đồng); thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43 diện tích 558,7m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 3 tại xã L7, huyện C, Đồng Nai là 1.979.000.000đ (Một tỷ chín trăm bảy chín triệu đồng) và Cơ quan An ninh điều tra đã kê biên 06 thửa đất này. Ngày 04/7/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần P thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai đã phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 0062/2017/HĐCBL-DN/135/BL-CBSGD-010 gửi Bộ giao thông vận tải cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng dự án BOT Quốc lộ 53 LB đoạn Vĩnh Long - Trà Vinh được Văn Văn Ngh chuyển tiền là 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ đồng) lấy từ Ngân hàng thương mại cổ phần P thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai được sử dụng làm tài sản bảo đảm cam kết bảo lãnh thi công BOT quốc lộ 53 đoạn LB theo yêu cầu của Bộ Giao thông Vận tải đến nhà đầu tư là liên danh Công ty cổ phần GT cùng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN.

Ngày 26/2/2018, Cơ quan An ninh điều tra đã có văn bản số 69/ANĐT gửi Bộ Giao thông vận tải đề nghị thu hồi số tiền 25.000.000.000đ (Hai lăm tỷ đồng) bảo lãnh thi công BOT Quốc lộ 53 đoạn LB. Tuy nhiên, đến nay chưa thu hồi được số tiền trên do chưa Th1 hướng xử lý giữa Bộ Giao thông vận tải và Ngân hàng Thương mại cổ phần P thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai.

*3. Mua 76 phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, phương tiện thi công theo chứng thư thẩm định giá số 238/CT-THM ngày 05/4/2019 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và TVĐT Xây dựng Thế Hệ Mới xác định 76 phương tiện vận tải,*

*máy móc thiết bị, phương tiện thi công do vợ chồng Văn Văn Ngh, Trần Thị Hồng L tự nguyện giao nộp có giá trị định giá là 56.158.939.000đ (Năm mươi sáu tỷ một trăm năm mươi tám triệu chín trăm ba chín ngàn đồng) gồm:*

Cuộc lốp Solar - Biển số: C16; Máy rải Demag, biển số C23, số khung 3336; Máy rải Volgele 1800-2 kèm theo 2 thùng phụ tùng và 3 ly phụ tùng (c29) biển số 60XA-0906, số khung 11,821,484, số máy 016885S; Rmoc biển số 60R-00926 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Rmoc biển số 60R-00766, số khung ZX080441028 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Rmoc biển số 60R - 00708, số khung ZX080441033 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe ban Cater, biển số C12; Xe ban Komatsu biển số C13; Xe ban Huber (C9), biển số 60LA-3254, số khung FC-252930, số máy 6D-136530; Xe Ben Hyundai 4 giò, biển số 60C-17716, số khung 415DL2100965FS415DL2, số máy: D8ABT05221 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Hyundai 4 giò biển số 60C-08815 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Hyundai 3 giò, biển số 60C-09798, số khung 415DL2100621, số máy D8ABT160102 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Hyundai 4 giò, biển số 60C-17084, số khung FS415DL2100051, số máy D8ABT153347 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Hyundai 4 giò, biển số 60C-14966, số khung 415DL2101203, số máy: D8AX1R02563 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Hyundai 4 giò, biển số 60C-15980, số khung 415DL2100203, số máy D2AST158394 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Hyundai 4 giò biển số 60C-15706 - Số khung 415DL2101167, số máy D4AX1R02461 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Howo 3 giò biển số 60C-09361, số khung LZZ5ELSD1AN541989, số máy WD61547071007000523 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Howo 3 giò biển số 60C-08780, có số khung LZZ5KL5B3AN335173, số máy WD61547100907033807 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Howo 3 giò, biển số 60C - 09377, số khung LZZELSD4AN541985, số máy D6154707100700103J của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Howo 3 giò, số khung LZZ5ELNB67A179958, số máy WD61547100907035837 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Howo 3 giò, số máy 101207061047 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Howo 3 giò của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Howo 3 giò số khung LZZ5ELNB67A179958, số máy WD615470710075917 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Hyundai 3 giò, biển số 60C-21618, số khung AM630D002199, số máy EF750001540 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben Hyundai 3 giò, biển số 60C-06210, số khung 18YPTC101303, số máy D8AYT161681 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Ben ASIA 3 giò, biển số 60V-1877, số khung 5/10/1906, số máy 750008961 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe Cuộc Komatsu, biển số C33; Máy đào bánh xích



Kobelco (C11), biển số 60XA-0772, số khung 6D24-313776; Xe đầu kéo hyundai Công 20, biển số 60C-15593 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe lu rung Bomag (C1) biển số C1 số khung 101580851157; Xe lu rung Dynapac (C19), biển số 60SA-0159, số khung 72520500, số máy 21633760; Xe lu lốp Sakai 9 bánh, biển số C25; Xe lu rung bánh sắt Dynapac (C26), biển số 60SA-0239, số khung 86110414 Số máy 10310396; Xe lu tĩnh Sakai 3 bánh sắt biển số C27; Xe lu rung Dynapac biển số C3, số khung: 71290719; Xe lu tĩnh Sakai 3 bánh, biển số C7; Xe lu lốp Sakai 7 bánh, biển số C24; Xe lu cù Dynapac, biển số C18; Xe lu rung Dynapac (C22), biển số 60SA-0159, số khung 72220524, số máy 21531770; Xe lu tĩnh Sakai 2 bánh biển số C6; Xe lu rung Dynapac (C20) biển số 60SA-0160; Xe lu cù Dynapac (C21), biển số C21; Xe du lịch biển số 52S-1286; Xe du lịch biển số 60A-04211, số khung 3G079216175, số máy 1TR6423844 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe du lịch biển số 51A-02647, số khung 46K57U053813, số máy 2GR6268396; Xe du lịch Corolla Altis 4, chỗ biển số 60C-1123, số khung ZZE1227503151, số máy 1ZZ1448763 của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai; Xe du lịch biển số 60A-00707, số khung RLLJF696EBH999503 số máy F16D38298531 của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TB; Xe du lịch biển số 51F-18682, số khung 7AX3D44122357, số máy 3UR3163718; Xe du lịch biển số 60A-07434, số khung RL4XW42G6Đ403546, số máy 1TR7507417 của quỹ tín dụng nhân dân TB; Xe ủi D4D CarterPillar (C15) biển số 60XA-0775, số khung SK91A979; Xe ủi D65 Komatsu biển số C17; Xe xúc lật Komatsu biển số C28; Xe ủi D5 Komatsu biển số C14; Ford ranger bán tải biển số 60C-32747; Trạm trộn bê tông nhựa nóng; Trạm biển áp 400KW và trạm cân; Xe du lịch Biển số 60A-19199, số khung 3TF7EA160940, số máy 550093308 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe đầu kéo biển số 50LD-06554, số khung D6AC5109402, số máy 18CP5C006048; Rmooc biển số 50R-01403, số khung HSTZFVB07209; Xe đầu kéo mỹ Công 40 biển số 50LD-06349; Xe đầu kéo Hyundai Công 20 biển số 50LD-06455; Rmooc Biển số 50R-01418, số khung F2TPA2000031; Xe du lịch Ford Transgit 16 chỗ biển số 60B-04273 số khung T4MFHRR60799, số máy RATORO4D244L của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; Xe tải ben biển số 60C-38014, số khung 50BCH040202, số máy 3E36M2H00061; Xe ô tô con biển số 60A-08990 tên chủ sở hữu Hoàng Ba Duy; Ô tô du lịch Land Cruiser Prado biển số 51A-33164 của Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN; Ô tô du lịch Toyota Innova biển số 51F-84995; Rmooc biển số 50R-01445; Trụ bơm dầu cơ bị hỏng; Xe xúc lật Komatsu; 01 bồn dầu 16 khối; 01 bồn dầu 16 khối màu cam; 01 trụ bơm dầu không hoạt động; Bột phụ gia BTNN 2000 tấn; Nhà xưởng và Máy nghiền bột BTNN.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động 11 công ty do Văn Văn Ngh đứng tên thành lập, Văn Văn Ngh đã dùng pháp nhân và cá nhân để vay vốn tại các tổ chức tín dụng, đến thời điểm ngày 10/12/2018, còn 02 pháp nhân và 02 cá nhân

đứng tên vay vốn tổng dư nợ gốc là 76.762.725.316 đồng (Bảy mươi sáu tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm hai trăm hai nghìn ba trăm mười sáu đồng). Cụ thể:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN dùng tài sản là 09 bất động sản gồm 01 thửa đất tên cá nhân Văn Văn Ngh và 09 thửa đất tên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN; 01 trạm trộn bê tông nhựa nóng, 01 xe du lịch hiệu có biển số 60A-191.99 để thế chấp vay vốn 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng) tại Ngân hàng B Chi nhánh Đồng Đ Nai, dư nợ gốc 29.906.934.390 đồng (Hai mươi chín tỷ chín trăm lẻ sáu triệu chín trăm ba tư ngàn ba trăm chín mươi đồng); dùng tài sản là của cá nhân Văn Văn Ngh là 06 bất động sản để thế chấp vay vốn 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ đồng) tại Ngân hàng P Chi nhánh, Sở giao dịch Đồng Nai, dư nợ gốc 25.366.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ ba trăm sáu sáu triệu đồng); Dùng tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN là 01 bất động sản để thế chấp vay vốn là 14.932.173.950 đồng (mười bốn tỷ chín trăm ba hai triệu một trăm bảy ba ngàn chín trăm năm mươi đồng) tại Ngân hàng C Chi nhánh Đồng Nai, dư nợ gốc 14.932.173.950 đồng (mười bốn tỷ chín trăm ba hai triệu một trăm bảy ba ngàn chín trăm năm mươi đồng).

Công ty cổ phần thương mại dịch vụ giao thông vận tải VTN dùng tài sản là của công ty thế chấp tài sản 01 xe tải ben có biển số 60C-380.14 để thế chấp vay vốn 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) tại Ngân hàng SHB Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai, dư nợ gốc 357.616.976 đồng (Ba trăm năm bảy triệu sáu trăm mười sáu ngàn chín trăm bảy sáu đồng).

Văn Văn Ngh chỉ đạo Văn Thị Thu H (cháu ruột của Ngh) dùng tài sản là của Ngh thế chấp tài sản 01 bất động sản do Ngh nhờ Hương đứng tên chủ sở hữu để thế chấp vay vốn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) tại Ngân hàng O Chi nhánh Đồng Nai, dư nợ gốc 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng)

Văn Văn Ngh dùng tài sản của Văn Văn Ngh thế chấp tài sản 01 sổ tiết kiệm TV2374187 ngày 09/3/2017 trị giá 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) để thế chấp vay vốn là 6.000.000.000đ (Sáu tỷ đồng) tại Ngân hàng P Chi nhánh Đồng Nai, dư nợ gốc 5.400.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra còn xác định: Văn Văn Ngh hiện gửi 01 Sổ tiết kiệm số TV2374187 ngày 09/3/2017 với số tiền 06 tỷ đồng thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần V Chi nhánh Đồng Nai dư nợ khi vay 5,4 tỷ đồng.

Đối với hành vi của Trần Thị Hồng L, Trần Thị Minh Th, Trần Thị Bích L, Văn Văn A, Nguyễn Thị Thanh Th, Văn Thị Mỹ H, Nguyễn Phước M, Văn Văn C, Trần Ngọc Thu L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thị Mỹ D cùng các nhân viên của các Quỹ tín dụng nhân dân T, TB, D, Công ty thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN thì hiện nay chưa đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra xác minh làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với hành vi của Dương Văn T, Trần Quốc T cùng các nhân viên của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Đồng Nai có dấu hiệu phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” nên ngày 24/9/2018 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về vụ “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” để điều tra làm rõ.

Đối với hành vi của Trần Hữu Th, Nguyễn Thị H, Văn Văn T, Trần Ngọc L, Trương Thị Thanh H, Lê Thị Thùy D, Thái Thị Thu H, Trần Thị Thanh T, Bùi Ngọc Bích Th, Bùi Thị Thúy A, Phan Mỹ Nh, Nguyễn Thị Ngọc Ph cùng các nhân viên của các Quỹ tín dụng nhân dân T, TB, D đã có hành vi vi phạm pháp luật nhưng xét chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã xử lý hành chính là phù hợp.

***Tại Bản án số 90/2019/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, quyết định:***

### ***1. Về hình phạt:***

Tuyên bố bị cáo: Văn Văn Ngh phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175, điểm c, g khoản 1 Điều 52, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo Văn Văn Ngh 19 (mười chín) năm tù.

### ***2. Về bồi thường dân sự:***

Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 30 và 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Căn cứ các Điều 247; khoản 5 Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Buộc bị cáo Văn Văn Ngh phải bồi thường cho ba Quỹ tín dụng tổng số tiền: 1.128.945.382.000đ (*Một nghìn, một trăm hai mươi tám tỷ đồng, chín trăm bốn năm triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*) cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T: 810.916.382.000đ (*Tám trăm mười tỷ, chín trăm mười sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TB: 275.841.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi năm tỷ, tám trăm bốn mươi một triệu đồng*).

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở D: 42.188.000.000đ (*Bốn mươi hai tỷ đồng, một trăm tám mươi tám triệu đồng*).

### ***3. Biện pháp tư pháp khác:***

Căn cứ Điều 30, Điều 128, Điều 129 và khoản 2 Điều 130 và 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các Điều 401, khoản 3 Điều 133, các Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các Điều 9, Điều 10, Điều 14 và khoản 3 Điều 17 Luật Kinh doanh Bất động sản năm

2015, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013; Điều 64 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

3.1. Đối với các tài sản giao dịch ngay tình, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

*3.1.1. Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đồng Đ Nai:*

- Liên quan đến hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/2837428/HĐTD ngày 03/08/2017 với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đồng Đ Nai, quyết định như sau:

- Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đồng Đ Nai được tiếp tục hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng, được xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

+ Hủy bỏ lệnh kê biên số 31/LKB –P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 22 tờ bản đồ số 4 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG616441 ngày 11/8/2011 cấp cho Võ Quang Huân và bà Lưu Phương Th, bà Th ông H chuyển nhượng cho ông Hồ Minh Kh ngày 30/06/2013 đến ngày 20/04/2015, ông Kh chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 21/04/2015 (chưa sang tên).

+ Hủy bỏ lệnh kê biên số: 38/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 34 tờ bản đồ số 25, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701202442 ngày 18/04/2003 cấp cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị H, ông Tr bà H chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/07/2009 (cập nhật trang 4 ngày 13/7/2009).

+ Hủy bỏ lệnh kê biên số: 39/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 199 tờ bản đồ số 2, phường T8, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD544042 ngày 27/10/2005 cấp cho ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Kim T, bà T và ông H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thế Th năm 2013, đến năm 2015 ông Th chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/3/2015 (cập nhật trang 4 ngày 02/04/2015).

+ Hủy bỏ lệnh kê biên số: 40/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 50, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701221007 ngày 25/11/2004, và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 55 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL502302 ngày 10/10/2012 cấp cho bị cáo Văn Văn Ngh.

+ Hủy bỏ lệnh kê biên số: 44/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 1426 tờ bản đồ số 39, xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK552054 ngày 20/5/2013 cấp cho ông Phạm Thành Đ và bà Phạm Thị Ngọc Ng. Bà Ng, ông Đ chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/10/2015, (cập nhật trang 4 ngày 19/10/2015).

+ Hủy bỏ lệnh kê biên số: 49/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với các thửa đất 2538, 2539 và 2569 tờ bản đồ số 39, xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL663693 ngày 03/08/2008 cấp cho ông Đoàn Văn T và bà Hg Thị H, ông T bà H chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh. (Cập nhật trang 4 ngày 15/08/2014), bị cáo là người bảo lãnh thế chấp.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Đông Đ Nai được tạm giữ 01 xe ô tô con và giấy tờ kèm theo phương tiện, để quản lý và xử lý tài sản thế chấp theo quy định cụ thể: Xe ô tô nhãn hiệu Landrover, biển số 60A-191.99, số máy 508PSEHJFJ14020550095508PS, số khung SALGV3TF7EA160940. Giấy chứng nhận đăng ký xe số 003869 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/12/2014 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên VTN.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Đông Đ Nai tiếp tục tạm quản lý 01 Trạm trộn bê tông nhựa S; Model ASPHALT MIXING PLANT TSAP-1500FFW; Thông số kỹ thuật của dòng Trạm trộn bê tông Asphalt 120 Tấn/giờ: Năng suất 120 tấn/giờ (với điều kiện độ ẩm của cát đá < 4%). Mẻ trộn định mức 1500kg/mẻ; Công suất tiêu thụ điện 380 KW/h 380V/220V/50Hz. Điều khiển tự động. Kiểu trộn Cường bức - Chu kỳ. Lọc bụi Kiểu ướt và Kiểu khô. Nhiên liệu dầu FO tiêu thụ nhiên liệu dầu FO: 5,5 - 7kg/1tấn.

+ Hủy lệnh phong tỏa đối với các tài khoản sau:

- Tài khoản số 65510000157839: Trong có số dư tiền gửi 515.286.613 đồng. (Năm trăm mười lăm triệu hai trăm tám sáu ngàn sáu trăm mười ba đồng)

- Tài khoản số 67010000298173: Trong có số dư tiền gửi 3.616.920.557 đồng. (Ba tỷ sáu trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi ngàn năm trăm năm bảy đồng)

- Tài khoản số 67110000495856: Trong có số dư tiền gửi 9.027.210.259 đồng. (Chín tỷ không trăm hai bảy triệu hai trăm mười ngàn hai trăm năm chín đồng)

+ Số dư tiền gửi tại các tài khoản trên. Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Đồng Đ Nai được tiếp tục sử dụng để cần trừ vào số tiền theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

*3.1.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai:*

- Liên quan đến hợp đồng tín dụng hạn mức số 9100/17/HĐTDHM-PN/135 ngày 26/6/2017, được ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai, quyết định như sau:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng, được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

+ Hủy lệnh kê biên số: 29/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với thửa đất số 120 tờ bản đồ số 16 phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD756905 ngày 25/02/2011 cấp cho ông Huỳnh Trí Quốc và bà Lê Bích L, ngày 05/04/2017, ông Q và bà L chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/02/2017 (chưa sang tên).

+ Hủy lệnh kê biên số 30/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 323, tờ bản đồ số 46 Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU619131 ngày 04/11/2015 cấp cho bà Trần Thị Hồng L. Ngày 14/05/2017, bà L chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 10/04/2017 (cập nhật trang 4).

+ Hủy lệnh kê biên số: 31/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 4 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG616606 ngày 18/8/2011 cấp cho bà Nguyễn Thị Lệ H, bà H chuyển nhượng cho ông Ngô Vinh Th, bà Nguyễn Thị Q ngày 08/01/2012. Ông Th, bà Q chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 09/07/2015 (cập nhật trang 4).

+ Hủy lệnh kê biên số: 35/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43, xã G, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB427563 ngày 14/09/2015 cấp cho bà Lê Thị M và ông Hà TB. Bà M và ông TB chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/03/2016 (cập nhật trang 4 ngày 16/06/2016).

+ Hủy lệnh kê biên số: 42/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD236990 ngày 01/02/2016 cấp cho bị cáo Văn Văn Ngh.

+ Hủy lệnh kê biên số: 43/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB927775 ngày 06/11/2015 cấp cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Đào Thị Đ. Bà Đ, ông Tr chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/9/2016 (cập nhật trang 4 ngày 23/9/2016, bị cáo là người thế chấp bảo lãnh).

+ Hủy lệnh phong tỏa đối với tài khoản số 135704070045796 trong đó có số dư 27.268.160.369đ (*Hai mươi bảy tỷ, hai trăm sáu tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn, ba trăm sáu chín đồng*)

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai được sử dụng số tiền trên để đảm bảo thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 9100/17/HĐTDHM-PN/135 ngày 26/6/2017.

### *3.1.3. Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Đồng Nai:*

- Liên quan hợp đồng số 01/2016-HĐTĐĐA/NHCT680-VANTIENNGHIA ngày 12/10/2016 và hợp đồng thế chấp số 01.16.9531/HĐTC-VTN-DAT NHA VP ngày 10/10/2016 được ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Đồng Nai; quyết định như sau:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Đồng Nai, được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng, được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

+ Hủy lệnh kê biên số: 31/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ số 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận số CA914001 ngày 12/08/2015, cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN.

+ Hủy lệnh phong tỏa đối với tài khoản số 114000188006 trong đó có số dư tiền gửi 500.000.000đ (*Năm trăm triệu*) của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh Đồng Nai.

- Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh Đồng Nai, được sử dụng số tiền trên để đảm bảo thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTĐĐA/NHCT680-VANTIENNGHIA ngày 12/10/2016.

*3.1.4. Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ – Chi nhánh Đồng Nai:*

- Liên quan đến hợp đồng số ND.0042/2017/HĐCV/O. DONGNAI ngày 08/07/2017, và hợp đồng thế chấp tài sản số 0048/2017/HĐTC/OJBĐNai - KHCN ngày 08/07/2017 của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ – Chi nhánh Đồng Nai ký kết với bà Văn Thị Thu H và ông Vũ Nhật Đăng Ch có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ – Chi nhánh Đồng Nai; quyết định như sau:

- Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ - Chi nhánh Đồng Nai được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng, được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

+ Hủy lệnh kê biên số: 37/LKB-P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3, phường P, thị xã L4 (thành phố L4), tỉnh Đồng Nai, tại



các giấy chứng nhận số CI301141 ngày 10/07/2017 cấp cho bà Văn Thị Thu H và ông Vũ Nhật Đăng Ch (là người bảo lãnh thế chấp).

### *3.1.5. Ngân hàng Thương mại cổ phần SH*

- Liên quan hợp đồng tín dụng số 561/2017-HĐTDTDH-PN/SHB.130407 ngày 05/10/2017, hợp đồng thế chấp tài sản số 01-561/2017-HĐTDTDH-PN/SHB.130407 ngày 05/10/2017, ký kết với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ giao thông vận tải VTN, có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SH; quyết định như sau:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần SH được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng, được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần SH được tạm giữ 01 xe ô tô và giấy tờ kèm theo phương tiện, để quản lý và xử lý tài sản thế chấp theo quy định cụ thể sau: Xe ô tô tải tự đổ Thaco, biển số 60C-380.14 và Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/10/2017 cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Giao thông vận tải VTN.

*3.1.6. Liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN với Công ty trách nhiệm hữu hạn Q đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, quyết định như sau:*

+ Hủy bỏ lệnh kê biên số: 28/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ văn bản ngăn chặn số 37/STNMT-VP ngày 28/11/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 138/ANĐT ngày 30/11/2017 và văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với thửa đất số 36 tờ bản đồ số 04, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE286802 ngày 05/7/2011, cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Đồng Nai, ngày 17/5/2017 Ngân hàng chuyển nhượng cho Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN (Cập nhật trang 4).

**4. Đối với những tài sản có nguồn gốc do bị cáo Văn Văn Ngh phạm tội mà có, tiếp tục kê biên đảm bảo để thi hành án nhằm khắc phục thiệt hại cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TB và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở D cụ thể như sau:**

4.1. Tiếp tục kê biên các tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 27/LKB-P92 ngày 23/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với các thửa đất số 654, 655, 656, 657, 658, 660, 661 và 663 tờ bản đồ số 38 xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK012547, BK012548,

BK012549, BK012550, BK012551, BK012553, BK012554 và BK012556 ngày 05/9/2011, cấp cho Công ty cổ phần Tiến Khải, sau đó Công ty cổ phần Tiến Khải chuyển nhượng cho bà Trần Thị Hồng L, ngày 19/3/2013 bà L đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại xây dựng hạ tầng D.

4.1.1. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 32/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với thửa đất số 576 tờ bản đồ số 36 phường Tr4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V291304 ngày 03/9/2002 cấp cho bà Đỗ Thị X và ông Đỗ Duy Nh, bà X ông Nh chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quyết T và bà Phan Thị Ngọc L ngày 13/01/2003, đến ngày 14/10/2013, ông T bà L chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Cập nhật trang 4 ngày 17/12/2013).

4.1.2. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 33/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 69 tờ bản đồ số 54 (thửa mới) thửa cũ 38 tờ bản đồ số 17, xã B1, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 838430 ngày 08/06/2006 cấp cho ông Trần Văn Th, ông Th chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/8/2015 (Cập nhật trang 4 ngày 14/01/2016).

4.1.3. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 34/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 538 tờ bản đồ số 17, xã G, huyện Th1, tỉnh Đồng Nai, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ202896 ngày 30/10/2013 cấp cho bà Nguyễn Thị H, bà H chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/01/2014 (Cập nhật trang 4).

4.1.4. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 36/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 332, 346, 348, 349 và 351 tờ bản đồ số 40, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CD201178, CD155595, CD155587, CD155588, CD155590 ngày 03/6/2016 cấp cho ông Trần Công Q H.

4.1.5. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 41/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với các thửa đất số 773 tờ bản đồ số 36, phường Tr4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD944435 ngày 20/05/2006 cấp cho bà Trần Thị H, bà H chuyển nhượng cho Văn Văn Ngh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/4/2017(cập nhật trang 4 ngày 04/05/2017).

4.1.6. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 45/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 453 tờ bản đồ số 22, xã Th1, huyện B, tỉnh Bình Dương, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE381951 ngày 09/05/2011 cấp cho bị cáo Văn Văn Ngh và Trần Thị Hồng L.

4.1.7. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 46/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai Quận Ph theo văn bản số 1475/ĐNA-TTGS ngày 20/12/2017 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Nai đối với căn hộ 94A3 tầng 1 thuộc thửa đất số 58 tờ bản đồ số 50, chung cư Tr, phường 9, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh, tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ chung cư số CC889832 ngày 14/03/2016 cấp cho ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh Tr, ông Đ và bà Tr chuyển nhượng theo hợp đồng mua bán căn hộ chung cư ngày 17/10/2017 cho bị cáo Văn Văn Ngh (cập nhật trang 4 ngày 07/11/2017).

4.1.8. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 47/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với các thửa đất 255 và 261 tờ bản đồ số 05, xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận số BB947602 và BB947603 ngày 12/11/2010 cấp cho bị cáo Văn Văn Ngh. (Cập nhật trang 4 ngày 15/08/2014).

4.1.9. Tiếp tục kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án theo lệnh kê biên số: 48/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với các thửa đất 62, 63, 64, 65 tờ bản đồ số 02, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O829592 ngày 21/10/1999, cấp cho ông Lê Trọng Th, ông Th chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN (cập nhật trang 4 ngày 15/08/2014).

### ***Về xử lý vật chứng***

Căn cứ Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các vật chứng sau đây đã được chuyển qua Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng, Riêng 76 chiếc xe cùng các phương tiện khác hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai đang gửi tại kho của Cơ quan an ninh Điều tra Công an tỉnh Đồng Nai.

*Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:*

- 01 (một) Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số DK0181454 ngày 17/11/2017 tại Quỹ tín dụng nhân dân T, họ tên người gửi tiền: Trần Thị Hồng L, địa chỉ: 79B/3 Khu phố 3, phường T, Thành phố B, Đồng Nai, số tiền gửi: 390.000.000đ (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*), kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 9.50%/năm.

- 01 (một) Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số DK01811120 ngày 22/11/2017 tại Quỹ tín dụng nhân dân T T, họ tên người gửi tiền: Trần Thị Hồng L, địa chỉ: 79B/3 Khu phố 3, phường T, Thành phố B, Đồng Nai, số tiền gửi: 1.137.500.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 6.00%/năm.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án các phương tiện vận tải, các phương tiện thi công, các Rơ Mooc, Máy móc thiết bị và một số tài sản khác; tiếp tục tạm giữ vật chứng là: 24 Giấy chứng nhận đăng ký xe, 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thu tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T, 12 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thu tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở D; Tiếp tục tạm giữ để phục vụ công tác điều tra gồm: 41 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T, 41 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở D

Bản án sơ thẩm còn quyết định tiếp tục tạm giữ số tiền 28.744.228.846đ (*Hai mươi tám tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng*) để đảm bảo cho việc thi hành án (Tại ủy nhiệm chi số 03 ngày 24/7/2019 và ủy nhiệm chi số 05 ngày 13/11/2019) và buộc Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Chailease phải nộp lại các tài sản để đảm bảo thi hành án

*Hội đồng xét xử sơ thẩm kiến nghị*

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án theo thẩm quyền, tránh bỏ lọt tội phạm đối với Trần Thị Bích L, Văn Văn A, Trần Thị Hồng L, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Phước M, Văn Văn C. Trong vụ án này, việc để xảy ra thất thoát số tiền nêu trên ngoài hành vi cố tình thực hiện tội phạm của Văn Văn Ngh và các cá nhân tại ba Quỹ tín dụng giúp sức, còn có trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức khác trong đó có Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai.

- Kiến nghị xem xét hành vi sử dụng 82 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai do bị cáo Văn Văn

Ngh dùng để hợp thức hóa các hồ sơ làm giả với mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu về tội “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

- Kiến nghị Công an tỉnh Đồng Nai, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra, xác minh mở rộng làm rõ các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của các Quỹ tín dụng, kịp thời xử lý những vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng cường công tác quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ, đồng thời cần có những giải pháp khắc phục và hoàn thiện đối với loại hình tín dụng nhân dân cơ sở.

Bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định tiếp tục niêm phong tài khoản do bị cáo, các Công ty của bị cáo và những người liên quan đối với bị cáo được mở tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng Thương mại cổ phần Thành phố Hồ Chí Minh-Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai, Ngân hàng N – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Khu công nghiệp.

Bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về việc thi hành án, xử lý các giao dịch ngay tình tại các Ngân hàng, quyết định các nội dung khác liên quan đối với những người đã vay tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T, quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 29/11/2019, bị cáo Văn Văn Ngh kháng cáo xin xem xét lại một phần tài sản; đến ngày 04/12/2019 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo số 18/2020/TB-TA ngày 21/2/2020 về việc bị cáo rút đơn kháng cáo.

Ngày 20/12/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 06/12/2019 người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan bà Trần Thị Hồng L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm tiếp tục kê biên đối với các thửa đất số 654, 655, 656, 657, 658, 660, 661 và 663 tờ bản đồ số 38 xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai và không đồng ý tiếp tục tạm giữ Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số DK0181454 ngày 17/11/2017 tại Quỹ tín dụng nhân dân T, họ tên người gửi tiền: Trần Thị Hồng L, số tiền gửi: 390.000.000đ và Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số DK01811120 ngày 22/11/2017 tại Quỹ tín dụng nhân dân T, họ tên người gửi tiền: Trần Thị Hồng L, số tiền gửi: 1.137.500.000đ.

Ngày 11/12/2019 người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan ông Trần Công Q H có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm tiếp tục kê biên đối với thửa đất số 346, 348, 349 và 351 tờ bản đồ số 40, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 03/12/2019 bị hại Quỹ tín dụng nhân dân T kháng cáo yêu cầu tiếp tục kê biên thửa đất số 36 tờ bản đồ số 04, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; kê biên tài khoản số 135704070045796 trong đó có số dư 27.268.160.369đ

(Hai mươi bảy tỷ, hai trăm sáu tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn, ba trăm sáu chín đồng) của Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai và yêu cầu kê biên, phong tỏa toàn bộ cổ phần và tài sản Công ty Cổ phần vật tư xây lắp PN.

Ngày 30/12/2019 ông Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị trả lại những chiếc xe của Công ty PN sở hữu và xe ô tô Toyota biển số 60C-1123 do ông mua đấu giá; hủy phong tỏa tài khoản của Công ty PN tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Đồng Nai và xem xét thừa đất số 36 tờ bản đồ số 04, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là tài sản của Công ty Cổ phần Vật tư Xây lắp PN.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Văn Văn Ngh có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp liên quan đến phần trách nhiệm dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm về các nội dung: bỏ lọt tội phạm và một số nội dung liên quan đến biện pháp tư pháp; Phía bị hại là Quỹ tín dụng nhân dân T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp có liên quan đến việc bồi thường; Những người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan gồm bà Trần Thị Hồng L và ông Trần Công Q H, ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư xây lắp PN kháng cáo một phần về biện pháp tư pháp.

Xét các kháng cáo, kháng nghị được làm trong hạn luật định, vì vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.1] Trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 09/02/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn xin rút kháng cáo của bị cáo Văn Văn Ngh. Ngày 21/02/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo về việc rút kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Văn Văn Ngh.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bà L đã xin rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với việc tạm giữ Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số DK0181454 ngày 17/11/2017 và số DK01811120 ngày 22/11/2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà L đối với 02 sổ tiết kiệm.

#### **[2] Xét nội dung của kháng cáo, kháng nghị:**

##### **[2.1] Về nội dung kháng cáo:**

##### **[2.1.1] Về nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Hồng L:**

Bà Trần Thị Hồng L kháng cáo đối với hai nội dung: Đề nghị xem xét việc phong tỏa các tài sản gồm các thửa đất số: 654, 655, 656, 657, 658, 660, 661, 663 tờ bản đồ số 38, thuộc xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai, vì cho rằng đây là tài sản của bà, không liên quan đến vụ án.

Qua xem xét, đánh giá các chứng cứ, tài liệu đã thu thập thấy rằng: Các thửa đất trên sau khi nhận chuyển nhượng từ Công ty TK, bà L đã chuyển nhượng cho Công ty CP DVTM – XD Hạ tầng D vào ngày 17/6/2015 (bút lục số 50900). Bà L cho rằng, những thửa đất này là tài sản của riêng bà, bà đã góp vốn vào Công ty CP DVTM – XD Hạ tầng D.

Tuy nhiên, chứng cứ tại hồ sơ đã thể hiện: Tại bản tự khai bút lục số 1271 ngày 17/8/2018, bà L đã khai rằng, bị cáo Ngh đã nhờ bà đứng tên cổ phần và làm đại diện theo pháp luật, thực tế các doanh nghiệp này không phải là của bà, mà đó là doanh nghiệp của ông Ngh. Bà khẳng định không góp vốn vào doanh nghiệp. Các tài sản là của bị cáo Ngh, không phải của bà. Nay bà tự nguyện giao trả lại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo Ngh gây ra. Lời khai của Bà H, ông H và bị cáo Ngh cũng thể hiện nội dung này (BL: 1358, 1366, 1533, 1174)

Chính vì vậy, đây được xác định là những tài sản bị cáo Ngh do phạm tội mà có, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tiếp tục kê biên tài sản này để đảm bảo thi hành án đối với các tài sản này là có căn cứ và đúng pháp luật.

Vì lẽ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cần tiếp tục kê biên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Yêu cầu kháng cáo của bà L, theo đó là không có cơ sở chấp nhận.

#### *[2.1.2] Về yêu cầu kháng cáo của ông Trần Công Q H:*

Kháng cáo của ông H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ kê biên đối với các thửa đất số 346, 348, 349, và 351, tờ bản đồ số 40, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai vì cho rằng, tài sản này có phần góp vốn của ông với số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng).

Xét thấy, tại Biên bản ghi lời khai ngày 04/10/2018 (bút lục số 1535) và các lời khai khác, ông H đã trình bày: Ông được Văn Văn Ngh (nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân T) nhờ đứng tên chủ sở hữu đối với 05 thửa đất tại xã A, huyện L. Sau khi mua những diện tích đất này vào năm 2016, bị cáo Ngh đã tách thửa và nhờ ông đứng tên. Đồng thời, ông H khẳng định rằng, những tài sản trên không không phải là của ông, ông chỉ đứng tên dùm bị cáo Ngh vì tình cảm gia đình. Ông không có quyền lợi gì đối với những tài sản nêu trên, nay ông tự nguyện giao trả lại tài sản trên cho bị cáo Ngh và không thắc mắc, khiếu nại gì. Tại biên bản đối chất ngày 05/6/2019, bị cáo Ngh cũng thừa nhận việc này.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản này của bị cáo Ngh và có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội, từ đó tiếp tục kê biên tài sản này để đảm bảo

cho việc bồi thường cho các bị hại là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Trần Công Q H là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.3] *Đối với yêu cầu kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T (đồng thời cũng là quan điểm kháng nghị) xét thấy:*

*Thứ nhất:* Đối với nội dung yêu cầu tiếp tục kê biên và cho thu hồi toàn bộ số dư có trên tài khoản 135704070045796, trong đó có số tiền 27.268.160.369 đồng mở tại Ngân hàng P để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với yêu cầu này, nhận thấy: đây là số tiền sau khi thực hiện khoản vay 30.000.000.000 (ba mươi tỷ đồng) từ Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đồng Nai, bị cáo Ngh gửi vào để làm chứng thư bảo lãnh cho việc thực hiện dự án BOT, tuy nhiên do dự án này đã dừng hoạt động. Bản chất đây là số tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đồng Nai cho bị cáo vay, vì lẽ đó việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy bỏ việc kê biên số tiền này để đảm bảo quyền, lợi ích cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đồng Nai là có căn cứ và đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo này của Quỹ tín dụng nhân dân T là không có cơ sở để chấp nhận.

*Thứ hai:* Đối với các tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng này gồm: Thửa đất số 120, tờ bản đồ số 16, phường Q, thành phố B; thửa đất số 323, tờ bản đồ số 46, phường T, thành phố B; thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43, xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai; thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47, xã A, huyện L; thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai; thửa đất số 29, tờ bản đồ số 04, phường T, thành phố B. Nguồn gốc của những tài sản này bị cáo Văn Văn Ngh và Công ty TNHH MTV VTN nhận chuyển nhượng từ các cá nhân, nguồn tiền nhận chuyển nhượng những tài sản này có đủ cơ sở xác định là tiền do phạm tội mà có và được coi là vật chứng của vụ án, do đó việc tiếp tục kê biên những tài sản này nhằm đảm bảo cho việc phát mãi thi hành phần bồi thường cho những người bị hại là 03 Quỹ tín dụng là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy bỏ việc kê biên này là không phù hợp. Kháng nghị về nội dung này là có cơ sở để chấp nhận, cần sửa án sơ thẩm về nội dung này.

Đối với yêu cầu kháng cáo liên quan đến Công ty PN sẽ được nhận định ở phần sau.

[2.1.4] *Đối với nội dung kháng nghị và các yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Công ty Cổ phần vật tư xây lắp PN, của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T có liên quan đến biện pháp tư pháp về việc xử lý đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, phường T, thành phố B.*

Tại bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

Hủy bỏ lệnh kê biên số: 28/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ văn bản ngăn chặn số 37/STNMT-VP ngày 28/11/2017 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện



pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 138/ANĐT ngày 30/11/2017 và văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với thửa đất số 36 tờ bản đồ số 04, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE286802 ngày 05/7/2011, cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Đồng Nai; ngày 24/01/2017 Ngân hàng chuyển nhượng cho Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN thông qua bán đấu giá.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Văn Văn Ngh có đơn kháng cáo đối với việc kê biên tài sản, trong đó có nội dung liên quan đến thửa đất số 36, tuy nhiên sau đó bị cáo đã rút kháng cáo.

Qua xem xét, đánh giá dựa trên các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có liên quan đến việc hình thành tài sản này, cũng như quá trình chuyển nhượng giữa người có quyền sử dụng đất hợp pháp là Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN (gọi tắt là Công ty PN) và bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH Q, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

*Thứ nhất:*

Đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4 có diện tích 7.734,1m<sup>2</sup> tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE286802 ngày 05/07/2011 cho chủ sử dụng là Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Đồng Nai. Ngày 24/01/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Đồng Nai đã chuyển nhượng lại cho Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN thông qua đấu giá tài sản, đã được cập nhật giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trang 3 vào ngày 17/5/2017.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Văn Văn Ngh cho rằng Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN là của bị cáo, nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh. Về nguồn tiền cho rằng đã sử dụng để mua đấu giá tài sản trên, bị cáo Ngh đã đưa ra nhiều lời khai khác và mâu thuẫn nhau, cụ thể: lúc bị cáo khai nguồn tiền lấy từ Công ty VTN, có lúc bị cáo khai vay từ ông Nguyễn Quốc Th và có một lời khai cho rằng lấy tiền từ Quỹ tín dụng, nhưng sau đó lại phủ nhận lời khai này. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cũng không thu thập được bất cứ bằng chứng xác thực nào để làm cơ sở cho việc chứng minh rằng Công ty PN là của bị cáo Văn Văn Ngh, do bị cáo mua lại toàn bộ cổ phần, cũng như chứng cứ để xác định nguồn tiền mua tài sản này do phạm tội mà có. Trong khi đó, trong đơn kháng cáo của mình, chính đại diện Công ty PN ông Nguyễn Văn H cho rằng: Công ty PN không phải là của bị cáo Ngh, mà trình bày: trước đây khi bị cáo Ngh (là em vợ của ông H) bị cơ quan điều tra tạm giữ, để nhanh chóng cân đối tài chính của Quỹ tín dụng, ông H và cổ đông cho ông Ngh mượn công ty và tài sản công ty đưa vào cân đối tài chính... Và tại phiên tòa phúc thẩm, bản thân bị cáo Ngh và đại diện Công ty PN ông Nguyễn Văn H tiếp tục không xuất trình được bất kỳ chứng cứ, hoặc tình

tiết mới nào để chứng minh rằng, đây là tài sản do bị cáo Ngh thực hiện hành vi chiếm đoạt mà có.

*Thứ hai:*

Về việc cho rằng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty PN và Công ty TNHH Q chỉ là hợp đồng giả cách để che giấu cho hợp đồng vay nóng, trả lãi suất cao, thấy rằng:

Trước đây, bị cáo Văn Văn Ngh kháng cáo về nội dung này, nhưng sau đó đã rút yêu cầu kháng cáo.

Trong khi đó, Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN kháng cáo cho rằng, việc chuyển nhượng diện tích đất trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Q chỉ là hợp đồng giả cách cho việc bị cáo vay số tiền 50.000.000.000đ (*Năm mươi tỷ đồng*) của ông Nguyễn Quốc Th là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q, hàng tháng bị cáo có trả tiền lãi cho ông Th 4.500.000.000đ (*Bốn tỷ năm trăm triệu đồng*) trên số tiền vay.

Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án mà Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã thu thập được trong quá trình điều tra, như Phụ lục hợp đồng số 01 về việc mua bán nhà đất; Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty PN về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất; hứa mua; hứa bán nhà đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (được công chứng, chứng thực); Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất; ủy nhiệm chi số tiền chuyển nhượng; Hóa đơn giá trị gia tăng về việc chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất nói trên. Hội đồng xét xử xét thấy, trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo cũng như Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN không đưa ra được bất cứ các chứng cứ nào như hợp đồng vay, giấy tờ vay mượn nào thể hiện việc vay mượn số tiền 50.000.000.000đ (*Năm mươi tỷ đồng*) giữa bị cáo và ông Th, cũng như chứng cứ về việc nhận tiền lãi của ông Th để chứng minh cho việc vay mượn của mình. Trong khi đó, ông Th thì hoàn toàn phủ nhận nhận lời khai của bị cáo Ngh cũng như đại diện Công ty PN. Do vậy, việc bị cáo và đại diện Công ty PN cho rằng, số tiền chuyển nhượng diện tích đất nói trên là số tiền bị cáo vay lãi nặng của ông Th là không có căn cứ chấp nhận.

Theo đó, việc thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN và Công ty trách nhiệm hữu hạn Q được thực hiện trên cơ sở giữa hai công ty có tư cách pháp nhân độc lập, mục đích chuyển nhượng và mục đích sử dụng diện tích đất cũng phù hợp các quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 14 và khoản 3 Điều 17 của Luật kinh doanh Bất động sản năm 2015, phù hợp với các quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013, Điều 64 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ. Về nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hình thức, thủ tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa các bên đều tuân thủ các quy định tại các Điều 500, 501, 502 và 503 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá và xác định quá trình thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Cũng chính vì vậy, đối với lệnh kê biên và văn bản ngăn chặn giao dịch đối với thửa đất nói trên cần phải được hủy bỏ như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, ký ngày 25/11/2017, giữa Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN với Công ty trách nhiệm hữu hạn Q; Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36 tờ bản đồ số 04 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Q; Công ty trách nhiệm hữu hạn Q được liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục thực hiện việc đăng ký kê khai đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là không phù hợp và không cần thiết, bởi lẽ: Trong vụ án này, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cho rằng tài sản mà Công ty Q nhận chuyển nhượng là do phạm tội mà có, từ đó đã ra lệnh kê biên và ngăn chặn giao dịch liên quan đến tài sản. Khi có đủ cơ sở xác định tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội thì cần hủy bỏ lệnh kê biên và hủy văn bản ngăn chặn là phù hợp. Riêng việc công nhận tài sản và Ngh vụ đăng ký thì đây là trình tự, thủ tục dân sự và hành chính Nhà nước, bên được xác định là chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng hợp pháp có Ngh vụ thực hiện nội dung hợp đồng đã ký kết, cũng như các trình tự, thủ tục khác do pháp luật có quy định.

[2.1.5] Như đã nhận định và phân tích ở trên, do quá trình điều tra không có chứng cứ nào chứng minh Công ty PN là của bị cáo Văn Văn Ngh, vì vậy việc cấp sơ thẩm tuyên tiếp tục phong tỏa tài khoản số 67010000719993 có số tiền 502.983.553 đồng và tiếp tục kê biên đảm bảo thi hành án các tài sản của Công ty PN gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota – Prado, biển kiểm soát 51A-331.64; 01 (một) xe ô tô hiệu Lexus – LX570, biển kiểm soát 51F-186.82; 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota – Camry, biển kiểm soát 51A-026.47; 01 xe ô tô biển kiểm soát 50A – 861.68, giấy đăng ký số 023970 ngày 21/5/2014 là không phù hợp, mà cần phải hủy bỏ, bởi vì Công ty PN không có Ngh vụ phải bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo Văn Văn Ngh. Bên cạnh đó, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện, xe ô tô Toyota biển số 60C.1123, do ông Nguyễn Văn H đã mua trúng đấu giá từ Công ty Cổ phần đấu giá và dịch vụ tài sản Đồng Nai vào ngày 07/7/2017. Đây là tài sản của cá nhân ông H và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Ngh, vì vậy cần phải trả lại cho chủ tài sản. Tương tự, đối với 04 (bốn) xe ô tô còn lại như đã nêu trên là tài sản của Công ty PN, bản thân ông H và bị cáo Ngh đều thừa nhận việc này (biên bản tạm giữ ngày 20/4/2019), nên cần phải trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H – đại diện Công ty PN về nội dung này được chấp nhận.

Cũng theo đó, yêu cầu kháng cáo của đại diện Quỹ tín dụng T về việc đề nghị phong tỏa và xử lý tài sản của Công ty PN là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với nội dung kháng nghị về việc đề nghị xử lý, thu hồi các tài sản của bị cáo Văn Văn Ngh do phạm tội mà có, hiện đang thế chấp vay tiền từ các Ngân hàng thấy rằng:

Đối với nội dung kháng nghị này, xét thấy cần phải xem xét trong số những tài sản mà bị cáo dùng để thế chấp vay vốn ngân hàng, tài sản nào được xác định có được từ hành vi phạm tội của bị cáo, tài sản nào được tạo lập không phải từ nguồn tiền do phạm tội mà có, để từ đó có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo đó, theo kết quả điều tra và xác định của cấp sơ thẩm, hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Văn Văn Ngh được xác định kể từ thời điểm từ năm 2011 đến năm 2017. Vì vậy, những tài sản do bị cáo tạo lập trong thời điểm này được xác định là do phạm tội mà có, nên cần phải tiếp tục kê biên và phong tỏa để đảm bảo việc thi hành án cho người bị hại theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Cụ thể:

[3.1] Đối với các tài sản thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai như đã nhận định ở phần trên, căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập về thời điểm tạo lập tài sản đã cho thấy, đây là tài sản được xác định là do phạm tội mà có, vì vậy cần phải tiếp tục kê biên, thu hồi để đảm bảo việc bồi thường cho những người bị hại là 03 Quỹ tín dụng để giải quyết việc chi trả cho những người dân có tiền gửi. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy bỏ việc kê biên là không phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị này.

[3.2] Đối với một số thửa đất của bị cáo Văn Văn Ngh hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đồng Nai, thấy rằng:

Đối với thửa đất gồm: thửa đất số 34, tờ bản đồ số 25, phường H, TP. B bị cáo Ngh nhận chuyển nhượng vào ngày 06/7/2009 là tài sản bị cáo tạo lập trước thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, không được coi là do phạm tội chiếm đoạt mà có, nên cần hủy việc kê biên để đảm bảo quyền lợi cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đồng Nai theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với các tài sản gồm: Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 50 (bị cáo mua đấu giá vào ngày 02/10/2012); thửa số 40, tờ bản đồ số 55, phường T, TP. B được cấp cho bị cáo Ngh vào thời điểm ngày 10/10/2012; các thửa đất số 2538, 2539 và 2569, tờ bản đồ số 39 tại xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai nhận chuyển nhượng ngày 19/10/2015; thửa số 199, tờ bản đồ số 2 phường T8, TP. B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Kim T vào ngày 27/10/2005, đến năm 2013 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thế Th; ngày 23/3/2015 ông Th chuyển nhượng cho bị cáo Ngh; thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 39, xã S1, huyện Tr1 (bị cáo nhận chuyển nhượng vào ngày 8/10/2015), được cấp cho bị cáo Ngh vào ngày 19/10/2015; thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4, phường T, TP. B do Công ty TNHH MTV VTN nhận chuyển nhượng vào ngày 21/4/2015 và Trạm trộn bê tông nhựa nóng hoàn chỉnh do

Công ty S LTD sản xuất năm 2014, chủ sở hữu là Công ty TNHH MTV VTN và số tiền 13.159.417.429 đồng (mười ba tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm mười bảy ngàn, bốn trăm hai mươi chín đồng) có trong tài khoản tạm gửi của Công ty TNHH MTV VTN tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đồng Nai được xác định là tạo lập trong thời gian thực hiện hành vi chiếm đoạt, vì vậy cần tiếp tục kê biên để đảm bảo thu hồi khoản tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân T, chấp nhận nội dung kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[3.3] Đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 4, phường T, TP. B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV VTN vào ngày 12/8/2015, bị cáo Ngh đã dùng tài sản này thế chấp vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh Đồng Nai và số tiền gửi 500.000.000 đồng tại Ngân hàng này, là tài sản được tạo lập trong thời điểm bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt, vì vậy cần phải tiếp tục kê biên để đảm bảo thu hồi khoản tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

[3.4] Đối với tài sản là ô tô biển số 60C – 380.14, loại xe tự đổ, nhãn hiệu Thaco cấp ngày 01/10/2017 cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ giao thông vận tải VTN. Đây là tài sản hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội. Tòa án cấp sơ thẩm tạm giao cho ngân hàng để xử lý thu hồi nợ là đúng quy định của pháp luật.

[3.5] Đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 03 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Văn Thị Thu H và chồng là ông Vũ Nhật Đăng Ch vào ngày 10/7/2017. Bà H, ông Ch đã thế chấp tại Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ – Chi nhánh Đồng Nai vay số tiền 800.000.000 đồng. Xét thấy, đây là tài sản không liên quan đến hành vi chiếm đoạt của bị cáo Ngh, việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy việc kê biên là đúng pháp luật.

[4] Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về nội dung bỏ lọt tội phạm trong vụ án này và đề nghị hủy án sơ thẩm xét thấy:

- Căn cứ vào kết luận giám định số ngày 6379/STC-KLGD ngày 13/11/2019, của Giám định viên tư pháp thuộc Sở tài chính tỉnh Đồng Nai đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TB, kết luận giám định số ngày 6380/STC-KLGD ngày 13/11/2019 đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở D, kết luận giám định số ngày 6381/STC-KLGD ngày 13/11/2019, đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Đối với những người từng tham gia điều hành, ban kiểm soát, thủ quỹ, kế toán và cán bộ tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TB và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở D, có dấu hiệu đồng phạm giúp sức cho bị cáo Văn Văn Ngh trong việc làm thất thoát và chiếm đoạt tiền của ba Quỹ tín dụng nói trên gồm: Trần Thị Bích L, Văn Văn A, Trần Thị Hồng L, Trần Thị Minh Th. Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Phước M, Văn Văn C. Trong

vụ án này, việc để xảy ra thất thoát số tiền nêu trên, ngoài hành vi cố tình thực hiện tội phạm của bị cáo Văn Văn Ngh còn liên quan đến trách nhiệm của các cá nhân tại ba Quỹ tín dụng, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức khác trong đó có Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, cụ thể: Ban giám đốc, đoàn kiểm tra, thanh tra giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Trong suốt thời gian từ khi bị cáo Văn Văn Ngh thành lập 03 Quỹ tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đã tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát nhưng thực hiện không đúng quy định về quản lý quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của ba Quỹ tín dụng, không phát hiện ra thủ đoạn làm hồ sơ giả, nâng khống, ký giả chữ ký khách hàng... tạo cơ hội cho bị cáo Văn Văn Ngh lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh Đồng Nai, cùng với sự giúp sức của các đối tượng tại 03 Quỹ tín dụng chiếm đoạt tổng số tiền 1.128.945.382.000đ (*Một nghìn, một trăm hai mươi tám tỷ, chín trăm bốn năm triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*) nhưng Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai chưa làm rõ trách nhiệm hình sự của từng cá nhân, tổ chức nói trên để xử lý theo quy định của pháp luật. Vấn đề này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm và xác định vụ án không có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Văn Văn Ngh. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiếp tục kiến nghị để xem xét lại những nội dung này theo thẩm quyền, tránh bỏ lọt người phạm tội.

- Đối với hành vi sử dụng 82 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, do bị cáo Văn Văn Ngh dùng để hợp thức hóa các hồ sơ làm giả với mục đích chiếm đoạt tài sản của ba Quỹ tín dụng. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu về tội “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra để xem xét, tránh bỏ lọt tội phạm.

- Riêng đối với hành vi của Dương Văn T, Trần Quốc T cùng các nhân viên Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Đồng Nai có dấu hiệu phạm tội “ Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, ngày 24/9/2018 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định khởi tố vụ án để điều tra làm rõ. Vì vậy, cần tiếp tục kiến nghị Cơ quan an ninh Điều tra Công an tỉnh Đồng Nai điều tra, làm rõ trách nhiệm để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Văn Văn Ngh không kháng cáo về phân trách nhiệm hình sự, chỉ kháng cáo một phần về biện pháp tư pháp, nhưng sau đó đã rút kháng cáo. Do đó, để một mặt ổn định bản án sơ thẩm nhằm giải quyết nhanh chóng, dứt điểm số tài sản thu hồi cho những người bị hại và gián tiếp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp cho số đông người dân gửi tiền tại 03 Quỹ tín dụng này, mặt khác cũng cần tiếp tục kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý đối với những

đối tượng và hành vi nêu trên để tránh bỏ lọt tội phạm. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra và giải quyết lại.

[5] Do kháng nghị được chấp nhận một phần, kháng cáo của đại diện Quỹ tín dụng nhân dân T và của ông Nguyễn Văn H là đại diện Công ty PN được chấp nhận một phần, vì vậy không phải chịu án phí phúc thẩm.

Yêu cầu kháng cáo của bà L và ông H không được chấp nhận, vì vậy phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 và điểm b khoản 1 Điều 361 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Văn Văn Ngh. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Hồng L.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T và ông Nguyễn Văn H. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Hồng L và ông Trần Công Q H về biện pháp tư pháp.

Sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 90/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về biện pháp tư pháp.

#### ***Tuyên xử:***

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 và 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

**1. Đối với tài sản thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đồng Đ Nai:**

- Liên quan đến hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/2837428/HĐTD ngày 03/08/2017 với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đồng Đ Nai, quyết định như sau:

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số 31/LKB –P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 22 tờ bản đồ số 4 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG616441 ngày 11/8/2011 cấp cho Võ Quang Huân và bà Lưu Phương Th, bà Th ông H chuyển nhượng cho ông Hồ Minh Kh

ngày 30/06/2014; ông Kh chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 21/04/2015.

+ Hủy lệnh kê biên số: 38/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 34 tờ bản đồ số 25, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701202442 ngày 18/04/2003 cấp cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị H, ông Tr bà H chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/07/2009 (cập nhật trang 4 ngày 13/7/2009).

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 39/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 199 tờ bản đồ số 2, phường T8, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD544042 ngày 27/10/2005 cấp cho ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Kim T, bà T và ông H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thế Th năm 2013, đến năm 2015 ông Th chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23/3/2015 (cập nhật trang 4 ngày 02/04/2015).

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 40/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 50, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701221007 ngày 15/11/2004, và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 55 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL502302 ngày 10/10/2012 cấp cho bị cáo Văn Văn Ngh.

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 49/LKB-P92 ngày 22/10/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với các thửa đất 2538, 2539 và 2569 tờ bản đồ số 39, xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL663693 ngày 03/04/2008 cấp cho ông Đoàn Văn T và bà Hg Thị H, ông T bà H chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh.

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 44/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với



thửa đất số 1426 tờ bản đồ số 39, xã S1, huyện Tr1, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK552054 ngày 20/5/2013 cấp cho ông Phạm Thành Đ và bà Phạm Thị Ngọc Ng. Bà Ng, ông Đ chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/10/2015, (cập nhật trang 3 ngày 19/10/2015).

**2. Kê biên tài sản do Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Đồng Đ Nai đang tạm giữ là 01 xe ô tô con và giấy tờ kèm theo phương tiện, để quản lý và xử lý tài sản thế chấp theo quy định cụ thể:** Xe ô tô nhãn hiệu Landrover, biển số 60A-191.99, số máy 508PSEHJFJ14020550095508PS, số khung SALGV3TF7EA160940. Giấy chứng nhận đăng ký xe số 003869 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/12/2014 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN để đảm bảo thi hành án.

- Kê biên đảm bảo thi hành án đối với 01 Trạm trộn bê tông nhựa S; Model ASPHALT MIXING PLANT TSAP-1500FFW; Thông số kỹ thuật của dòng Trạm trộn bê tông Asphalt 120 Tấn/giờ: Năng suất 120 tấn/giờ (với điều kiện độ ẩm của cát đá < 4%). Mẻ trộn định mức 1500kg/mẻ; Công suất tiêu thụ điện 380 KW/h 380V/220V/50Hz. Điều khiển tự động. Kiểu trộn Cường bức - Chu kỳ. Lọc bụi Kiểu ướt và Kiểu khô. Nhiên liệu dầu FO Tiêu thụ nhiên liệu dầu FO: 5,5 - 7kg/1tấn.

- Tiếp tục phong tỏa đối với các tài khoản sau:

+ Tài khoản số 65510000157839: Trong có số dư tiền gửi 515.286.613 đồng. (*Năm trăm mười lăm triệu hai trăm tám sáu ngàn sáu trăm mười ba đồng*)

+ Tài khoản số 67010000298173: Trong có số dư tiền gửi 3.616.920.557 đồng. (*Ba tỷ sáu trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi ngàn hai trăm năm trăm bảy đồng*)

+ Tài khoản số 67110000495856: Trong có số dư tiền gửi 9.027.210.259 đồng. (*Chín tỷ không trăm hai bảy triệu hai trăm mười ngàn hai trăm năm chín đồng*)

Để đảm bảo thi hành án phần bồi thường cho những người bị hại.

**3. Đối với tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai:**

- Liên quan đến hợp đồng tín dụng hạn mức số 9100/17/HĐTDHM-PN/135 ngày 26/6/2017, được ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai, quyết định như sau:

Tiếp tục kê biên những tài sản đang thế chấp để đảm bảo thi hành khoản bồi thường cho những người bị hại, gồm:

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 29/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao

dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với thửa đất số 120 tờ bản đồ số 16 phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD756905 ngày 25/02/2011 cấp cho ông Huỳnh Chí Q và bà Lê Bích L; ông Q và bà L chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/02/2017.

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số 30/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 323, tờ bản đồ số 46 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU619131 ngày 04/11/2015 cấp cho bà Trần Thị Hồng L; bà L chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 10/04/2017.

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 31/LKB-P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 4 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG616606 ngày 11/8/2011 cấp cho bà Nguyễn Thị Lệ H, bà H chuyển nhượng cho ông Ngô Vinh Th, bà Nguyễn Thị Q ngày 18/01/2012. Ông Th, bà Q chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 09/07/2015.

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 35/LKB-P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43, xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB427563 ngày 14/09/2015 cấp cho bà Lê Thị M và ông Hà TB. Bà M và ông Bình chuyển nhượng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/03/2016.

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 42/LKB-P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 47, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD236990 ngày 01/02/2016 cấp cho bị cáo Văn Văn Ngh.

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 43/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, xã L7, huyện C, tỉnh Đồng Nai tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB927775 ngày 06/11/2015 cấp cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Đào Thị Đ. Bà Đ, ông Tr chuyển nhượng cho bị cáo Văn Văn Ngh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/9/2016.

- Hủy lệnh phong tỏa đối với tài khoản số 135704070045796 trong đó có số dư 27.268.160.369đ (*Hai mươi bảy tỷ, hai trăm sáu tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn, ba trăm sáu chín đồng*)

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai được sử dụng số tiền trên để đảm bảo thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 9100/17/HĐTDHM-PN/135 ngày 26/6/2017.

**4. Đối với tài sản đang thế chấp và số tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Đồng Nai:**

- Liên quan hợp đồng số 01/2016-HĐTĐĐA/NHCT680-VANTIENNGHIA ngày 12/10/2016 và hợp đồng thế chấp số 01.16.9531/HĐTC-VTN-DAT NHA VP ngày 10/10/2016 được ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Đồng Nai; quyết định như sau:

+ Giữ nguyên lệnh kê biên số: 31/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ số 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận số CA914001 ngày 12/08/2015, cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN.

+ Giữ nguyên lệnh phong tỏa đối với tài khoản số 114000188006 trong đó có số dư tiền gửi 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VTN mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh Đồng Nai.

**5. Đối với tài sản thế chấp tại Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ – Chi nhánh Đồng Nai:**

Liên quan đến hợp đồng số ND.0042/2017/HĐCV/O. DONGNAI ngày 08/07/2017, và hợp đồng thế chấp tài sản số 0048/2017/HĐTC/OJBĐNai - KHCN ngày 08/07/2017 của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ – Chi nhánh Đồng Nai ký kết với bà Văn Thị Thu H và ông Vũ Nhật Đăng Ch có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương

mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ – Chi nhánh Đồng Nai; quyết định như sau:

+ Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ - Chi nhánh Đồng Nai được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng, được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

+ Hủy lệnh kê biên số: 37/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3, phường P, thị xã L4 (thành phố L4), tỉnh Đồng Nai, tại giấy chứng nhận số CI301141 ngày 10/07/2017 cấp cho bà Văn Thị Thu H.

#### ***6. Đối với tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SH***

Liên quan hợp đồng tín dụng số 561/2017-HĐTDTDH-PN/SHB.130407 ngày 05/10/2017, hợp đồng thế chấp tài sản số 01-561/2017-HĐTDTDH-PN/SHB.130407 ngày 05/10/2017, ký kết với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ giao thông vận tải VTN, có giao dịch thế chấp kèm theo, giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SH; quyết định như sau:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần SH được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng, được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần SH được tạm giữ 01 xe ô tô và giấy tờ kèm theo phương tiện, để quản lý và xử lý tài sản thế chấp theo quy định cụ thể sau: Xe ô tô tải tự đổ Thaco, biển số 60C-380.14 và Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/10/2017 cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Giao thông vận tải VTN.

***7. Liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN với Công ty trách nhiệm hữu hạn Q đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, quyết định như sau:***

Hủy bỏ lệnh kê biên số: 28/LKB–P92 ngày 30/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ văn bản ngăn chặn số 37/STNMT-VP ngày 28/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 138/ANĐT ngày 30/11/2017 và văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với thửa đất số 36 tờ bản đồ số 04, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE286802 ngày 05/7/2011, cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Đồng Nai, ngày 24/01/2017 Ngân hàng chuyển nhượng cho Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN thông qua bán đấu giá tài sản.

**8. Hủy bỏ phong tỏa tài khoản của Công ty Cổ phần vật tư xây lắp PN:** Tài khoản số 67010000719993, trong đó có số tiền 502.983.553 đồng (Năm trăm lẻ hai triệu chín trăm tám ba nghìn năm trăm năm ba đồng) theo công văn yêu cầu phong tỏa ngày 11/12/2017.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn H 01 (một) xe ô tô Toyota biển số 60C – 1123 và 01 đăng ký xe số A0037696 ngày 9/7/2003, tên chủ xe là Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại cho Công ty cổ phần vật tư xây lắp PN – do ông Nguyễn Văn H đại diện các tài sản sau:

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota – Prado, biển kiểm soát 51A-331.64; số máy 2TR0067796; số khung: JTEBL29J205000197 và 01 giấy đăng ký xe số 043921 ngày 19/01/2015 tên chủ xe là Công ty Cổ phần vật tư xây lắp PN.

+ 01 (một) xe ô tô hiệu Lexux – LX570, biển kiểm soát 51F-186.82; số máy 3UR3163718; số khung JTJHY7AX8D4122357 và 01 giấy đăng ký xe số 071479 ngày 26/5/2015, tên chủ xe là Công ty Cổ phần vật tư xây lắp PN.

+ 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota – Camry, biển kiểm soát 51A-026.47; số máy 2GR6268396; số khung 4T1BK46K57U053813 và 01 giấy đăng ký xe số 033706 ngày 20/12/2014, tên chủ xe là Công ty Cổ phần vật tư xây lắp PN.

+ 01 xe ô tô biển số 50A – 861.68 và giấy đăng ký xe số 023970 ngày 21/5/2014, tên chủ xe là Công ty Cổ phần vật tư xây lắp PN.

(Theo biên bản tạm giữ ngày 20/4/2019 tại Cơ quan An ninh Điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai)

**9. Giữ nguyên lệnh kê biên số: 27/LKB–P92 ngày 23/9/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai.** Giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, đối với các thửa đất số 654, 655, 656, 657, 658, 660, 661 và 663 tờ bản đồ số 38 xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK012547, BK012548, BK012549, BK012550, BK012551, BK012553, BK012554 và BK012556 ngày 05/9/2012, cấp cho Công ty cổ phần TK, sau đó Công ty cổ phần TK chuyển nhượng cho bà Trần Thị Hồng L; ngày 10/2/2015 bà L đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại xây dựng hạ tầng D.

**10. Giữ nguyên lệnh kê biên số: 36/LKB–P92 ngày 30/9/2018, của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và giữ nguyên biện pháp ngăn chặn giao dịch của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo văn bản số 16/ANĐT ngày 16/01/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đối với thửa đất số 332, 346, 348, 349 và 351 tờ bản đồ số 40, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD201178 ngày 03/2/2016 và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD155595,**

CD155587, CD155588, CD155590 ngày 03/6/2016 cấp cho ông Trần Công Q H.

#### **11. Kiến nghị:**

- Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiếp tục kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai xem xét vụ án theo thẩm quyền, tránh bỏ lọt tội phạm đối với Trần Thị Bích L, Văn Văn A, Trần Thị Hồng L, Trần Thị Minh Th, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Phước M, Văn Văn C. Trong vụ án này, việc để xảy ra thất thoát số tiền nêu trên ngoài hành vi cố tình thực hiện tội phạm của Văn Văn Ngh và các cá nhân tại ba Quỹ tín dụng giúp sức, còn có trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức khác trong đó có Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

- Kiến nghị xem xét hành vi sử dụng 82 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai do bị cáo Văn Văn Ngh dùng để hợp thức hóa các hồ sơ làm giả với mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu về tội “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

- Kiến nghị Công an tỉnh Đồng Nai, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra, xác minh mở rộng vụ án làm rõ các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của các Quỹ tín dụng, kịp thời xử lý những vi phạm pháp luật.

#### **12. Về án phí:**

Buộc bà L và ông H mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

**13.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- TTG Công an tỉnh Đồng Nai;
- TTG Công an tỉnh Đồng Nai;
- (tổng đạt cho bị cáo)
- Bị hại;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 55bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**